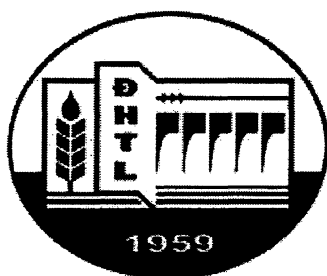


**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**



**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

Hà Nội, năm 2022

Số: 19/NQ-HĐT4

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủy lợi

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Thủy lợi khóa IV, nhiệm kỳ 2020-2025;

Theo đề nghị của Ban Giám hiệu và ý kiến của các thành viên Hội đồng Trường tại kỳ họp ngày 27/12/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủy lợi.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, trưởng các đơn vị và toàn thể viên chức, người lao động, người học của Trường chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Bộ Giáo dục và ĐT (để b/c);
- ĐU, HĐT, BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, HĐT.



GS.TS Nguyễn Quang Kim

MỤC LỤC

Chương I	1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 3. Vị trí, chức năng	2
Điều 4. Năm thành lập, biểu trưng.....	2
Điều 5. Sứ mạng , tầm nhìn và giá trị cốt lõi	3
Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn	3
Điều 7. Quyền tự chủ.....	4
Điều 8. Trách nhiệm giải trình	5
Chương II	6
TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ	6
Điều 9. Quy định về cơ cấu tổ chức	6
Điều 10. Cơ cấu tổ chức của Trường	6
Điều 11. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường.....	7
Điều 12. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn và trách nhiệm của thành viên Hội đồng trường	8
Điều 13. Danh sách, nhiệm kỳ, nguyên tắc làm việc của Hội đồng trường	9
Điều 14. Tiêu chuẩn, số nhiệm kỳ, trách nhiệm, quyền hạn và việc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng trường.....	9
Điều 15. Tiêu chuẩn, số nhiệm kỳ, trách nhiệm và quyền hạn của Phó chủ tịch Hội đồng trường.....	10
Điều 16. Thư ký Hội đồng trường.....	11
Điều 17. Văn phòng của Hội đồng trường.....	11
Điều 18. Thủ tục thành lập, công nhận Hội đồng trường; bầu và công nhận Chủ tịch Hội đồng Trường; bầu Phó chủ tịch, Thư ký và thay thế, miễn nhiệm các thành viên của Hội đồng trường.....	12
Điều 19. Hoạt động của Hội đồng trường.....	14
Điều 20. Hiệu trưởng.....	15
Điều 21. Phó hiệu trưởng	16
Điều 22. Điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và việc xem xét miễn nhiệm chức vụ Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	17
Điều 23. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Hiệu trưởng.....	18
Điều 24. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại Hiệu trưởng.....	21
Điều 25. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm Hiệu trưởng.....	21
Điều 26. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng	22
Điều 27. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng	23
Điều 28. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng	23
Điều 29. Phân hiệu Trường Đại học Thủy lợi tại tỉnh Bình Dương.....	24

Điều 30. Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Khu đại học Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.....	24
Điều 31. Các phòng chức năng.....	24
Điều 32. Khoa.....	25
Điều 33. Viện có chức năng đào tạo.....	27
Điều 34. Bộ môn.....	30
Điều 35. Viện, trung tâm hoạt động khoa học công nghệ.....	31
Điều 36. Các phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành.....	31
Điều 37. Thư viện, Trang Thông tin điện tử, Tạp chí Khoa học công nghệ.....	32
Điều 38. Vườn ươm công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp.....	32
Điều 39. Hội đồng khoa học và đào tạo.....	33
Điều 40. Các Hội đồng tư vấn và Ban công tác.....	34
Điều 41. Tổ chức Đảng Cộng sản.....	34
Điều 42. Các đoàn thể và tổ chức xã hội.....	34
Chương III.....	35
VIỆN CHỨC.....	35
Điều 43. Nhiệm vụ và quyền của viên chức.....	35
Điều 44. Giảng viên.....	35
Điều 45. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên.....	37
Điều 46. Các viên chức khác.....	37
Chương IV.....	38
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA NGƯỜI HỌC.....	38
Điều 47. Người học của Trường.....	38
Điều 48. Nhiệm vụ và quyền của người học.....	38
Điều 49. Các hành vi người học không được làm.....	38
Điều 50. Chính sách đối với người học.....	38
Điều 51. Nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Nhà nước.....	39
Chương V.....	39
HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO.....	39
Điều 52. Mở ngành đào tạo.....	39
Điều 53. Chỉ tiêu tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh.....	40
Điều 54. Thời gian đào tạo.....	41
Điều 55. Chương trình, giáo trình giáo dục đại học.....	41
Điều 56. Tổ chức và quản lý đào tạo.....	42
Điều 57. Văn bằng, chứng chỉ.....	42
Chương VI.....	44
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ.....	44
Điều 58. Mục tiêu hoạt động khoa học và công nghệ.....	44
Điều 59. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ.....	44
Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường trong hoạt động khoa học và công nghệ.....	44

Chương VII.....	45
HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ.....	45
Điều 61. Mục tiêu hoạt động hợp tác quốc tế	45
Điều 62. Các hình thức hợp tác quốc tế của Trường.....	45
Điều 63. Liên kết đào tạo với nước ngoài	45
Điều 64. Văn phòng đại diện	46
Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường trong hoạt động hợp tác quốc tế.....	46
Điều 66. Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế.....	47
Chương VIII.....	47
ĐẢM BẢO VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC	47
Điều 67. Mục tiêu của kiểm định chất lượng giáo dục đại học	47
Điều 68. Trách nhiệm của Trường trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục đại học... ..	47
Điều 69. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường về kiểm định chất lượng giáo dục đại học.....	48
Chương IX	48
TÀI CHÍNH, TÀI SẢN VÀ ĐẦU TƯ.....	48
Điều 70. Nguồn tài chính của Trường.....	48
Điều 71. Học phí và khoản thu dịch vụ khác.....	49
Điều 72. Quản lý tài chính của Trường.....	49
Điều 73. Quản lý và sử dụng tài sản của Trường	49
Điều 74. Kế hoạch tài chính, đầu tư trung hạn và hằng năm.....	50
Chương X.....	51
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC,.....	51
Điều 75. Chế độ quản lý điều hành	51
Điều 76. Thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường.....	51
Điều 77. Quan hệ giữa Trường với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.....	52
Điều 78. Quan hệ giữa Trường với Bộ Giáo dục và Đào tạo	52
Điều 79. Quan hệ giữa Trường với chính quyền địa phương.....	52
Điều 80. Quan hệ giữa Trường với các bên liên quan trong xã hội	52
Điều 81. Chế độ thông tin, báo cáo	53
Chương XI	53
THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	53
Điều 82. Thanh tra, kiểm tra	53
Điều 83. Khen thưởng.....	54
Điều 84. Xử lý vi phạm	54
Chương XII	55
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	55
Điều 85. Hiệu lực thi hành	55
Điều 86. Tổ chức thực hiện.....	55

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐT4 ngày 04/01/2022
của Hội đồng trường Trường Đại học Thủy lợi)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủy lợi, bao gồm: Nhiệm vụ và quyền hạn; cơ cấu tổ chức và nhân sự; tổ chức và quản lý các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng đào tạo, tài chính, tài sản và đầu tư; mối quan hệ công tác; chế độ làm việc, thông tin, báo cáo; thanh tra và kiểm tra; khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với Trường Đại học Thủy lợi, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủy lợi.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Tập thể lãnh đạo Trường” gồm: Thường vụ Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Trường, Phó chủ tịch Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng. Tập thể lãnh đạo do Chủ tịch Hội đồng trường hoặc Hiệu trưởng (trong thời gian chưa có Chủ tịch hội đồng trường) chủ trì; làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, trường hợp tập thể lãnh đạo là số chẵn, có kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu 50/50 thì quyết định theo ý kiến của bên có người chủ trì.

2. “Tập thể lãnh đạo Trường mở rộng” gồm: Chủ tịch Hội đồng trường, Phó chủ tịch hội đồng trường, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Ban chấp hành Đảng bộ Trường (sau đây gọi tắt là Đảng ủy Trường), Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, Chủ tịch Công đoàn Trường và Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường.

3. “Cán bộ chủ chốt của Trường” gồm: Tập thể Lãnh đạo trường, Đảng ủy Trường, Chủ tịch Công đoàn trường, Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường; Trưởng và Phó các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường; các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp, giảng viên chính và các giảng viên có học vị tiến sĩ. Chủ trì Hội nghị cán bộ chủ chốt trong quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hiệu trưởng là Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chủ tịch Hội đồng trường. Chủ trì Hội nghị cán bộ chủ chốt trong quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng trường, có sự tham gia giám sát của Vụ Tổ chức cán bộ.

4. “Hội nghị đại biểu Trường” gồm: Đại biểu đương nhiên (Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng trường đương nhiệm); đại biểu bầu của các đơn vị (tỷ lệ bầu là 50%; cứ 02 người được bầu 01 đại biểu, nếu lẻ thì bầu thêm 01 đại biểu và chỉ tính số lượng biên chế và hợp đồng lao động dài hạn do Trường ký).

5. “Đơn vị trực thuộc Trường” là đơn vị có tư cách pháp nhân gồm: Trung tâm, Viện,...

6. “Đơn vị thuộc Trường” là đơn vị không có tư cách pháp nhân gồm: Khoa và tổ chức đào tạo; phòng chức năng; các tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu KHCN và dịch vụ.

7. “Viên chức” là người được tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc với Trường theo quy định của Luật Viên chức.

8. “Người lao động” là người được tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc với Trường theo quy định của Nghị định 68/2000/NĐ-CP hoặc Bộ Luật lao động.

Điều 3. Vị trí, chức năng

1. Trường Đại học Thủy lợi là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Tên giao dịch của Trường

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Thủy lợi (viết tắt: ĐHTL)

- Tên tiếng Anh: Thuyloi University (viết tắt: TLU)

3. Trụ sở chính: 175 Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

4. Địa chỉ Phân hiệu của Trường tại tỉnh Bình Dương: Phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

5. Trường Đại học Thủy lợi (sau đây gọi tắt là Trường) có chức năng đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các trình độ khác; bồi dưỡng ngắn hạn; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế; tư vấn dịch vụ và phục vụ cộng đồng trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, kinh tế và quản lý, chú trọng lĩnh vực thủy lợi, môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

6. Trường hoạt động theo Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Trường chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và của các địa phương nơi có cơ sở của Trường.

Điều 4. Năm thành lập, biểu trưng

1. Năm thành lập: 1959

2. Biểu trưng (Logo) của Trường thể hiện mối quan hệ hài hòa Thiên – Địa – Nhân bền vững và không ngừng phát triển. Về màu sắc, toàn bộ các đường nét, các mảng bố cục sử dụng màu xanh lam, màu của nước mang ý nghĩa biểu tượng cho Trường. Logo thể hiện bề dày lịch sử và sự phát triển vươn lên chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức và hội nhập toàn cầu của Trường Đại học Thủy lợi.



Điều 5. Sứ mạng , tầm nhìn và giá trị cốt lõi

1. Sứ mạng

Là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ chất lượng cao trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.

2. Tầm nhìn

Đến năm 2050, là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng nghiên cứu, một trong 10 trường hàng đầu ở Việt Nam trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế; giữ vững vị trí số một trong lĩnh vực thủy lợi, thủy điện (năng lượng tái tạo), tài nguyên, môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

3. Giá trị cốt lõi: Đoàn kết; Chính trực; Khát vọng.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn

Trường hoạt động theo Luật Giáo dục Đại học, Luật Giáo dục và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể như sau:

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường.
2. Triển khai hoạt động đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng khác.
3. Phát triển các chương trình đào tạo theo sứ mạng và tầm nhìn đã xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo.
4. Triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ tư vấn, sản xuất, kinh doanh.
5. Thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng đào tạo của cơ quan có thẩm quyền; xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng.
6. Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, viên chức, nhân viên, cán bộ quản lý.
7. Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học;

dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục.

8. Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế theo quy định.

9. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị.

10. Triển khai hoạt động hợp tác quốc tế; liên doanh, liên kết, hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

11. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Trường đặt trụ sở hoặc có tổ chức hoạt động đào tạo.

12. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền tự chủ

Trường thực hiện quyền tự chủ theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, cụ thể như sau:

1. Quyền tự chủ về học thuật và hoạt động chuyên môn

a) Được quyền ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động tuyển sinh, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế phù hợp quy định của pháp luật;

b) Xác định, công bố công khai phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Quyết định phương thức tổ chức và quản lý đào tạo đối với các trình độ, hình thức đào tạo; xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo phù hợp với quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam, về chuẩn chương trình đào tạo, bảo đảm không gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng, không xuyên tạc lịch sử, ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục và đoàn kết các dân tộc Việt Nam, hòa bình, an ninh thế giới, không có nội dung truyền bá tôn giáo; biên soạn, lựa chọn, thẩm định, phê duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học (trừ các môn học bắt buộc); tổ chức thực hiện, đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo của giáo dục đại học; thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Quyết định liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục trong nước đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định hoạt động khoa học công nghệ và các hoạt động hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật;

e) Được tự chủ mở ngành đào tạo, được tự chủ liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định;

g) Thực hiện các quyền tự chủ khác về học thuật và hoạt động chuyên môn phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Quyền tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự

a) Thực hiện quyền tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự theo quy định; về số lượng người làm việc và vị trí việc làm trong đơn vị; có quyền tự chủ về tổ chức, bộ máy và nhân sự để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn nhưng không được làm tăng số lượng người làm việc hưởng lương, mức lương (bao gồm cả lương và phụ cấp) từ quỹ lương do ngân sách nhà nước cấp;

b) Ban hành, tổ chức thực hiện quy định nội bộ về tổ chức bộ máy và nhân sự; thực hiện các quyền tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự khác theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và pháp luật có liên quan.

3. Quyền tự chủ về tài chính và tài sản

a) Tự chủ về tài chính và tài sản theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định hiện hành về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Ban hành, tổ chức thực hiện quy định nội bộ về tài chính và tài sản, thực hiện các quyền tự chủ về tài chính và tài sản khác theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm giải trình

Trường có trách nhiệm giải trình đối với người học, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền, chủ sở hữu và các bên liên quan theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

a) Thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất của cơ quan có thẩm quyền;

b) Chịu trách nhiệm trước người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan về việc bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ và cam kết của Trường;

c) Thực hiện công khai đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Trường về các nội dung: sứ mạng, tầm nhìn; các quy chế, quy định nội bộ; danh sách giảng viên theo ngành, trình độ, chức danh và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo khác; kết quả kiểm định chương trình đào tạo, kiểm định cơ sở giáo dục đại học; chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, kế hoạch tổ chức đào tạo; đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh, danh sách nhập học và tốt nghiệp hằng năm theo ngành, trình độ đào tạo, quy mô đào tạo và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp; mẫu văn bằng, chứng chỉ, danh sách cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học hằng năm; chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch

vụ tuyển sinh và các khoản thu khác của người học cho từng năm học và dự kiến cả khóa học; chế độ, chính sách miễn, giảm học phí, học bổng; các nội dung khác theo quy định của pháp luật;

d) Công khai thông báo chỉ tiêu tuyển sinh, quyết định mở ngành, quyết định liên kết đào tạo cùng với hồ sơ chứng minh đủ điều kiện theo quy định lên trang thông tin điện tử của Trường trước khi thực hiện ít nhất 30 ngày làm việc;

đ) Thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu của Nhà trường lên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các văn bản đã ban hành, các quyết định, các hoạt động tự chủ thực hiện;

e) Thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo quy định và công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, trừ những thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mục 1

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 9. Quy định về cơ cấu tổ chức

Trên cơ sở chiến lược phát triển Trường; yêu cầu thực tế về cơ cấu tổ chức và đề xuất của Hiệu trưởng; Đảng ủy Trường, Hội đồng trường có nghị quyết về chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường. Hiệu trưởng có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị có liên quan lập đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị báo cáo Hội đồng trường xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức của Trường

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thủy lợi gồm:

1. Hội đồng trường;
2. Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng;
3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo và các hội đồng tư vấn khác;
4. Các phòng chức năng;
5. Các tổ chức đào tạo: Khoa, viện, trung tâm, bộ môn có chức năng đào tạo;
6. Các tổ chức khoa học, công nghệ trực thuộc;
7. Các tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ và dịch vụ trực thuộc;
8. Phân hiệu Trường Đại học Thủy lợi tại tỉnh Bình Dương;

9. Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Khu đại học Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.

Mục 2

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

Điều 11. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường

Hội đồng trường là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu (nhà nước) và các bên có lợi ích liên quan. Hội đồng trường có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hằng năm của Trường; chủ trương phát triển Trường thành đại học hoặc việc sáp nhập với trường đại học khác;

2. Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở của Trường phù hợp với quy định của Luật Giáo dục Đại học và quy định khác của pháp luật có liên quan;

3. Quyết định phương hướng tuyển sinh, mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; chính sách bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, hợp tác giữa Trường với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động;

4. Quyết định về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các đơn vị của Trường; ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí; quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, giảng viên, viên chức và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật;

5. Quyết định và trình cơ quan quản lý có thẩm quyền ra quyết định công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Phó hiệu trưởng trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng; việc quyết định các chức danh quản lý khác do Quy chế này quy định; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của Chủ tịch Hội đồng trường, Phó chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng; lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Phó chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng vào giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất theo các quy định trong Quy chế này;

6. Quyết định chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển Trường; chính sách học phí, hỗ trợ người học; phê duyệt kế hoạch tài chính; thông qua báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Trường;

7. Quyết định chủ trương đầu tư và sử dụng tài sản có giá trị lớn thuộc thẩm quyền của Trường được quy định tại Điều 73 của Quy chế này; quyết định chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của chức danh lãnh đạo, quản lý trong Trường theo kết quả, hiệu quả công việc và vấn đề khác theo quy định tại Quy chế này;

8. Giám sát việc thực hiện quyết định của Hội đồng trường, việc tuân thủ pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường và trách nhiệm giải trình của Hiệu trưởng; giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Trường; báo cáo hằng năm trước hội nghị cán bộ - viên chức của Trường về kết quả giám sát và kết quả hoạt động của Hội đồng trường;

9. Tuân thủ pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan về các quyết định của Hội đồng trường; thực hiện công khai, minh bạch thông tin, chế độ báo cáo; chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng trường; chịu sự giám sát của xã hội, cá nhân và tổ chức trong Trường;

10. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác được quy định trong Quy chế này.

Điều 12. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn và trách nhiệm của thành viên Hội đồng trường

1. Hội đồng Trường có số lượng thành viên là số lẻ, tối thiểu là 15 thành viên và tối đa là 27 thành viên; Hội đồng Trường có 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và 01 Thư ký Hội đồng. Thành phần Hội đồng Trường gồm các thành viên trong và ngoài Trường.

2. Thành viên trong Trường bao gồm thành viên đương nhiên và thành viên bầu.

Thành viên đương nhiên: Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn và đại diện Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là người học của Trường.

Thành viên bầu: Là đại diện viên chức và người lao động của Trường. Trong đó, đại diện giảng viên chiếm tỷ lệ tối thiểu là 25% tổng số thành viên của Hội đồng Trường.

3. Thành viên ngoài Trường chiếm tỷ lệ tối thiểu là 30% tổng số thành viên của Hội đồng trường, bao gồm đại diện của cơ quan quản lý có thẩm quyền (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); đại diện của cộng đồng xã hội do hội nghị đại biểu của Trường bầu bao gồm nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, doanh nhân, cựu sinh viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động. Thành viên ngoài Trường không phải là người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột với các thành viên khác trong Hội đồng. Trường hợp thành viên ngoài Trường trúng cử Chủ tịch hội đồng trường, Phó chủ tịch hoặc Thư ký Hội đồng trường thì phải trở thành viên chức cơ hữu của Trường.

4. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng trường là đại diện cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên (thành viên bầu):

Ngoài các tiêu chuẩn đối với viên chức theo quy định của pháp luật, thành viên Hội đồng là đại diện cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên phải có những tiêu chuẩn sau:

a) Lập trường tư tưởng vững vàng, chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định và quy chế của Trường;

b) Hiểu biết tốt về giáo dục và quản lý giáo dục đại học hiện đại, quản trị nhà trường; có tư duy và hành động tiên phong trong đổi mới và sáng tạo vì sự phát triển của Trường;

c) Chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm và đạt được kết quả công tác tốt trên thực tế; có năng lực quản lý, phát triển chuyên môn và phát triển đơn vị;

d) Có đủ sức khỏe;

đ) Độ tuổi tham gia lần đầu phải còn đủ 05 năm công tác tính từ khi thực hiện quy trình bầu thành viên Hội đồng trường; trường hợp đặc biệt báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

e) Độ tuổi tham gia từ lần thứ hai: Độ tuổi tham gia tái cử hoặc tái phê chuẩn của thành viên Hội đồng trường theo quy định của Đảng và của pháp luật.

5. Thành viên Hội đồng trường thực hiện và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ của Hội đồng trường do Chủ tịch Hội đồng trường phân công và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng trường, chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Điều 13. Danh sách, nhiệm kỳ, nguyên tắc làm việc của Hội đồng trường

1. Danh sách Chủ tịch và thành viên Hội đồng trường được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường sau khi được cơ quan quản lý có thẩm quyền (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) công nhận;

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng trường là 05 năm. Hội đồng trường họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần và họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng trường, của Hiệu trưởng hoặc của ít nhất một phần ba tổng số thành viên của Hội đồng trường. Cuộc họp Hội đồng trường là hợp lệ khi có trên 50% tổng số thành viên dự họp, trong đó có thành viên ngoài Trường;

3. Hội đồng trường làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; quyết định của Hội đồng trường được thể hiện bằng hình thức nghị quyết.

Điều 14. Tiêu chuẩn, số nhiệm kỳ, trách nhiệm, quyền hạn và việc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng trường

1. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội đồng trường

Ngoài các tiêu chuẩn chung theo Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ quản lý, Chủ tịch Hội đồng phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có trình độ tiến sĩ;

b) Sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ thông dụng, ưu tiên những người sử dụng thành thạo tiếng Anh;

c) Có trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân chính trị;

d) Có ít nhất 5 năm trực tiếp tham gia giảng dạy đại học;

đ) Có kinh nghiệm quản lý giáo dục đại học; có ít nhất 5 năm kinh nghiệm làm công tác quản lý cấp khoa, phòng hoặc tương đương của cơ sở giáo dục đại học trở lên;

e) Có sức khỏe tốt; độ tuổi khi bổ nhiệm lần đầu phải đảm bảo đủ 1 nhiệm kỳ (5 năm tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định); độ tuổi tái cử của Chủ tịch HĐT thực hiện theo quy định của Đảng và của pháp luật; trường hợp đặc biệt báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Số nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng trường

Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng trường là 5 năm, theo nhiệm kỳ của Hội đồng trường. Chủ tịch Hội đồng trường đảm nhiệm chức vụ không quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng trường được bầu thay thế giữa nhiệm kỳ mà thời gian đảm nhiệm chức vụ dưới 2,5 năm thì không tính là 1 nhiệm kỳ.

3. Trách nhiệm, quyền hạn và việc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng trường

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường; chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường; chỉ đạo tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng trường; thay mặt Hội đồng trường ký văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng trường; sử dụng bộ máy tổ chức và con dấu của Trường để hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng trường;

b) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng trường, nhiệm vụ và quyền hạn khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và quy định của pháp luật;

c) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình;

d) Chủ tịch Hội đồng trường có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng trường hoặc một trong số các thành viên của Hội đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng khi Chủ tịch Hội đồng vắng mặt. Khi Chủ tịch Hội đồng không thể làm việc trong khoảng thời gian quá 3 tháng thì phải có trách nhiệm ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch hoặc một trong số các thành viên còn lại của Hội đồng trường đảm nhận thay trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng. Văn bản ủy quyền phải được gửi đến cơ quan trực tiếp quản lý Trường (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và thông báo công khai. Thời gian ủy quyền không quá 6 tháng.

Điều 15. Tiêu chuẩn, số nhiệm kỳ, trách nhiệm và quyền hạn của Phó chủ tịch Hội đồng trường

1. Tiêu chuẩn Phó chủ tịch Hội đồng trường:

Phó chủ tịch Hội đồng trường phải đáp ứng các tiêu chuẩn được nêu tại Khoản 1, Điều 14 của Quy chế này.

2. Số nhiệm kỳ của Phó chủ tịch Hội đồng trường:

Nhiệm kỳ của Phó chủ tịch Hội đồng trường là 5 năm theo nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng trường. Trường hợp Phó chủ tịch Hội đồng trường được bầu thay thế giữa nhiệm kỳ mà thời gian đảm nhiệm chức vụ dưới 2,5 năm thì không tính là 1 nhiệm kỳ.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của Phó chủ tịch Hội đồng trường:

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng trường trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng trường khi được ủy quyền;

b) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng trường, nhiệm vụ và quyền hạn khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và quy định của pháp luật;

c) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Điều 16. Thư ký Hội đồng trường

1. Tiêu chuẩn đối với Thư ký Hội đồng trường

Ngoài việc đáp ứng tiêu chuẩn chung của thành viên Hội đồng trường, Thư ký Hội đồng trường còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn riêng: Có trình độ thạc sĩ trở lên; đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước, quản lý giáo dục; có kinh nghiệm giảng dạy đại học ít nhất 5 năm; có kinh nghiệm quản lý từ cấp bộ môn hoặc tương đương trở lên; sử dụng được một ngoại ngữ thông dụng.

2. Thư ký Hội đồng trường trực tiếp giúp Chủ tịch Hội đồng trường thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Tổng hợp thông tin về hoạt động của Trường báo cáo Chủ tịch Hội đồng trường; chuẩn bị chương trình nghị sự, nội dung, tài liệu, gửi giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp của Hội đồng trường; xây dựng, hoàn chỉnh, lưu trữ các văn bản của Hội đồng trường;

b) Chuẩn bị các báo cáo, giải trình với cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan liên quan theo nhiệm vụ, chức năng của Hội đồng trường;

c) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng trường và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng trường giao.

Điều 17. Văn phòng của Hội đồng trường

Văn phòng Hội đồng trường có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cho các cuộc họp của Hội đồng và các ban, tổ công tác của Hội đồng; lưu trữ các văn bản, tài liệu của Hội đồng; quản trị website của Hội đồng trường.

Văn phòng Hội đồng trường được bố trí phòng làm việc riêng; phòng làm việc này được kết hợp làm phòng họp và phòng làm việc của các ban, tổ công tác của Hội đồng trường. Biên chế nhân sự của Văn phòng do Chủ tịch Hội đồng đề xuất và được Hội đồng trường quyết nghị phê duyệt.

Điều 18. Thủ tục thành lập, công nhận Hội đồng trường; bầu và công nhận Chủ tịch Hội đồng Trường; bầu Phó chủ tịch, Thư ký và thay thế, miễn nhiệm các thành viên của Hội đồng trường

Cuối mỗi nhiệm kỳ, tập thể lãnh đạo Trường chỉ đạo thực hiện quy trình thành lập Hội đồng trường của nhiệm kỳ mới theo quy định của Đảng, quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học và các quy định sau:

1. Bầu thành viên Hội đồng trường

a) Tập thể lãnh đạo Trường họp, để thống nhất về cơ cấu và số lượng thành viên tham gia Hội đồng nhiệm kỳ mới, hoàn thiện Đề án nhân sự Hội đồng trường, trong đó bao gồm cả dự kiến nhân sự bầu chức danh Chủ tịch và Phó chủ tịch trình Đảng ủy Trường, Hội đồng trường đương nhiệm thông qua trước khi báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt chủ trương và cử đại diện tham gia Hội đồng trường nhiệm kỳ mới.

b) Trên cơ sở Đề án nhân sự Hội đồng trường đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt, Hội đồng trường gửi văn bản tới cơ quan quản lý trực tiếp và các cá nhân đề xin ý kiến chấp thuận tham gia Hội đồng trường.

c) Chủ tịch Hội đồng trường triệu tập và chủ trì Hội nghị đại biểu giới thiệu thành viên bầu của Hội đồng trường. Thành viên Hội đồng được bầu là người được trên 50% số phiếu hợp lệ trở lên và theo thứ tự tỷ lệ phiếu bầu từ cao xuống thấp. Trường hợp số người đại diện cho từng nhóm có tỷ lệ phiếu bầu bằng nhau thì Hội nghị tiếp tục bầu trong số người đó để lựa chọn hoặc do Hội nghị quyết định.

d) Trước khi kết thúc nhiệm kỳ ít nhất 30 ngày làm việc, tập thể lãnh đạo Trường có trách nhiệm hoàn thiện, gửi 01 bộ hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị công nhận Hội đồng trường, trong đó nêu rõ quy trình xác định các thành viên Hội đồng trường; danh sách, sơ yếu lý lịch, văn bản đồng ý tham gia của các thành viên Hội đồng trường; biên bản họp, biên bản kiểm phiếu, văn bản cử thành viên tham gia Hội đồng trường của cơ quan quản lý trực tiếp và các tài liệu có liên quan theo quy định, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định công nhận Hội đồng trường.

2. Bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng Trường

a) Trên cơ sở Đề án nhân sự Hội đồng trường đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt và kết quả bầu thành viên Hội đồng trường tại khoản 1 Điều này, Tập thể lãnh đạo Trường do Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ trước hoặc Hiệu trưởng (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ trước không tiếp tục tham gia nhiệm kỳ kế tiếp) chủ trì phiên họp mở đầu để bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ kế tiếp trong số các thành viên của Hội đồng trường theo nguyên tắc bỏ phiếu kín.

Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng trường phải được trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng trường đồng ý.

b) Tập thể lãnh đạo Trường hoàn thiện, gửi 01 bộ hồ sơ (gồm biên bản họp và biên bản kiểm phiếu của hội nghị) đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định công nhận Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng trường của nhiệm kỳ mới.

3. Bầu Thư ký Hội đồng trường

Chủ tịch Hội đồng Trường giới thiệu Thư ký của Hội đồng trường trong số các thành viên của Hội đồng trường để Hội đồng trường thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín. Chủ tịch Hội đồng trường bổ nhiệm Thư ký Hội đồng trường khi trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng trường đồng ý.

4. Miễn nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch, Thư ký và các thành viên Hội đồng trường

Hội đồng trường xem xét, quyết định việc miễn nhiệm Chủ tịch và thành viên Hội đồng trường, gửi hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia Hội đồng trường.
- b) Bị hạn chế năng lực, hành vi dân sự; không đủ sức khỏe để thực hiện các công việc đang đảm nhiệm.
- c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thi hành kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
- d) Có trên 50% số thành viên theo danh sách của Hội đồng trường kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm.
- đ) Thành viên đương nhiên khi có quyết định thôi giữ chức vụ và một số thành viên khác khi có quyết định thôi giữ chức vụ quản lý, nghỉ hưu hoặc chuyển sang công tác khác không còn phù hợp với vị trí thành viên Hội đồng trường.
- e) Thành viên Hội đồng trường là viên chức cơ hữu của Trường vắng mặt trong 03 cuộc họp liên tiếp của Hội đồng mà không có lý do chính đáng thì bị xóa tên trong Hội đồng trường; thành viên Hội đồng trường không có ý kiến đóng góp gì cho Hội đồng trường trong một năm, hoặc không hoàn thành nhiệm vụ do Hội đồng trường phân công, hoặc thể hiện là người thiếu tinh thần trách nhiệm thì Hội đồng trường xem xét đưa ra khỏi Hội đồng.

5. Bầu thay thế Chủ tịch Hội đồng trường, thành viên Hội đồng trường

a) Thủ tục thay thế Chủ tịch Hội đồng trường như sau:

- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng trường đến tuổi nghỉ quản lý giữa nhiệm kỳ thì trong thời hạn không quá 60 ngày trước khi đủ tuổi nghỉ quản lý, Hội đồng trường xây dựng phương án nhân sự để bầu thay thế Chủ tịch Hội đồng trường, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt chủ trương. Sau khi có ý kiến xét duyệt chủ trương của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Hội đồng trường chủ trì tổ chức thực hiện quy trình bầu Chủ tịch Hội đồng trường mới và gửi hồ sơ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận;

- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng trường thuộc các trường hợp miễn nhiệm hoặc vì lý do khác quy định tại Quy chế này, Hội đồng trường xây dựng phương án nhân sự đề bầu thay thế Chủ tịch Hội đồng trường, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt chủ trương. Sau khi có ý kiến xét duyệt chủ trương của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó chủ tịch Hội đồng trường hoặc thư ký (nếu không có Phó chủ tịch) tổ chức họp Hội đồng trường để bầu Chủ tịch Hội đồng trường mới và gửi hồ sơ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận.

b) Trường hợp Hội đồng trường bị khuyết thành viên thì Chủ tịch Hội đồng trường căn cứ vào thành phần của các thành viên bị khuyết để chỉ đạo lựa chọn thành viên thay thế, phù hợp với quy định của pháp luật và quy chế này, gửi hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận.

6. Bổ sung thành viên Hội đồng trường

Khi số thành viên của Hội đồng giảm đến ít hơn 15 thành viên thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ khi số thành viên của Hội đồng trường giảm quá quy định nêu trên, Chủ tịch Hội đồng trường chủ trì thực hiện quy trình bổ sung thành viên theo quy định. Trường hợp cần thiết, không nhất thiết số thành viên Hội đồng trường phải giảm đến ít hơn 15 thành viên, nếu Chủ tịch Hội đồng trường đề nghị thì Hội đồng trường thực hiện quy trình bổ sung thành viên theo quy định.

Điều 19. Hoạt động của Hội đồng trường

1. Nguyên tắc chung

a) Hội đồng trường làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Hội đồng trường thảo luận, thông qua các quyết nghị tập thể tại các cuộc họp của Hội đồng trường để đưa ra các quyết định trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định.

b) Hội đồng trường được sử dụng con dấu và bộ máy tổ chức của Nhà trường để triển khai các công việc của Hội đồng trường.

2. Chế độ hội họp

a) Hội đồng Trường họp thường kỳ ít nhất 3 tháng một lần và họp bất thường khi có đề nghị bằng văn bản của trên 30% tổng số thành viên Hội đồng Trường hoặc có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng trường hoặc của Hiệu trưởng.

b) Cuộc họp của Hội đồng trường được coi là hợp lệ khi có ít nhất 50% số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có thành viên ngoài trường.

c) Thư ký Hội đồng trường có trách nhiệm cung cấp tài liệu liên quan đến cuộc họp định kỳ của Hội đồng trường ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp để các thành viên nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến thảo luận và quyết nghị.

d) Các cuộc họp phải được ghi biên bản và gửi đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp.

đ) Hội đồng trường có thể họp trực tuyến và biểu quyết qua thư điện tử với các nội dung cần ý kiến công khai.

3. Nghị quyết của Hội đồng trường

a) Tại mỗi kỳ họp, Hội đồng trường phải quyết nghị về những vấn đề Hội đồng thảo luận trong phạm vi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Nghị quyết của Hội đồng trường chỉ có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng nhất trí thông qua. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về ý kiến của Chủ tịch Hội đồng trường.

Các nghị quyết liên quan đến nhân sự (bầu Chủ tịch Hội đồng trường, Phó chủ tịch Hội đồng trường, Thư ký Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, bổ sung thay thế thành viên Hội đồng trường, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng,...) được xin ý kiến bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Các nghị quyết khác (về chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn trung hạn và kế hoạch hằng năm, chủ trương, chính sách...) được xin ý kiến công khai bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu (do Hội đồng trường quyết định hình thức).

b) Hội đồng trường tổ chức đánh giá chất lượng, hiệu quả của các nghị quyết đã ban hành vào giữa và cuối nhiệm kỳ.

c) Nghị quyết của Hội đồng trường được gửi đến các thành viên Hội đồng trường, các đơn vị, cá nhân liên quan trong trường và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Tổ chức cán bộ).

4. Điều kiện và kinh phí hoạt động

a) Hội đồng trường có văn phòng và các phương tiện làm việc do Nhà trường bố trí và trang bị.

b) Chủ tịch Hội đồng trường được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương Hiệu trưởng; Phó chủ tịch Hội đồng trường được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương Phó hiệu trưởng; Thư ký Hội đồng trường được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương Trưởng phòng; phụ cấp cho các thành viên khác trong Hội đồng trường được quy định chi tiết trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Kinh phí hoạt động của Hội đồng trường, phụ cấp chức vụ của Chủ tịch, Thư ký và phụ cấp cho các thành viên được tính trong kinh phí hoạt động của Nhà trường.

Mục 3

HIỆU TRƯỞNG VÀ PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điều 20. Hiệu trưởng

1. Nhiệm vụ và quyền hạn

Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của Trường theo quy định của pháp luật và Quy chế này. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định như sau:

a) Là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của Trường;

b) Tổ chức thực hiện hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản, hợp tác trong nước, quốc tế, hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và quyết định của Hội đồng trường;

c) Trình văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng trường, sau khi tổ chức lấy ý kiến của tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong Trường; ban hành quy định khác của Trường theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

d) Đề xuất Hội đồng trường xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng trường; thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý khác của Trường;

đ) Quyết định dự án đầu tư theo Điều 73 của Quy chế này.

e) Hằng năm, báo cáo trước Hội đồng trường về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng và Ban Giám hiệu, tài chính, tài sản của Trường; thực hiện công khai, minh bạch thông tin; thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

g) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng trường và các bên liên quan; chịu sự giám sát của cá nhân, tổ chức có liên quan về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

2. Tiêu chuẩn

Hiệu trưởng phải đáp ứng các tiêu chuẩn được nêu tại Khoản 1, Điều 14 của Quy chế này.

3. Nhiệm kỳ

Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng là 5 năm, theo nhiệm kỳ của Hội đồng trường. Hiệu trưởng đảm nhiệm chức vụ không quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp.

Điều 21. Phó hiệu trưởng

Giúp Hiệu trưởng có các Phó hiệu trưởng do Hội đồng trường bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hiệu trưởng. Mỗi Phó hiệu trưởng được Hiệu trưởng phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác và đơn vị của Trường. Số lượng Phó hiệu trưởng không quá 3 người.

1. Tiêu chuẩn

Phó hiệu trưởng phải đáp ứng các tiêu chuẩn được nêu tại Khoản 1, Điều 14 của Quy chế này.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Giúp Hiệu trưởng quản lý và điều hành các hoạt động của Trường; trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác và đơn vị theo sự phân công của Hiệu trưởng; phối hợp với các Phó hiệu trưởng khác để giải quyết các công việc có liên quan và giải quyết các công việc khác do Hiệu trưởng giao;

b) Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, Hội đồng trường và pháp luật hiện hành về các công việc được giao;

c) Báo cáo Hiệu trưởng và tập thể Ban Giám hiệu về tình hình công việc được giao.

3. Nhiệm kỳ

Nhiệm kỳ của Phó Hiệu trưởng là 5 năm, trong phạm vi nhiệm kỳ của Hội đồng trường.

Điều 22. Điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và việc xem xét miễn nhiệm chức vụ Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

1. Điều kiện bổ nhiệm

a) Đạt tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định; không vi phạm quy định về những điều đảng viên, viên chức không được làm;

b) Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận theo quy định;

c) Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

d) Có chương trình công tác nếu được bổ nhiệm;

đ) Nếu người được giới thiệu là viên chức đang công tác trong đơn vị thì phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm. Đối với nhân sự từ nơi khác đến thì phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên;

e) Độ tuổi khi bổ nhiệm lần đầu phải đảm bảo đủ 1 nhiệm kỳ (5 năm tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định); trường hợp đặc biệt báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

g) Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và của pháp luật; không đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

2. Điều kiện bổ nhiệm lại chức vụ

a) Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phải được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên trong thời hạn giữ chức vụ và vẫn đủ tiêu chuẩn chức danh, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới;

b) Đơn vị tiếp tục có nhu cầu;

c) Đủ sức khỏe để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao;

d) Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật;

đ) Độ tuổi bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ được thực hiện theo quy định của Đảng và pháp luật; trường hợp đặc biệt báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Việc xem xét miễn nhiệm chức vụ trong các trường hợp sau:

a) Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

b) Bị xử lý kỷ luật chưa đến mức cách chức nhưng do yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế;

c) Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn bổ nhiệm;

d) Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

đ) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

e) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm;

g) Các lý do miễn nhiệm khác theo quy định của Đảng và pháp luật.

Điều 23. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Hiệu trưởng

1. Xin chủ trương bổ nhiệm

Chủ tịch Hội đồng trường chủ trì, tổ chức họp Tập thể Lãnh đạo trường để thảo luận, thống nhất, xác định nhu cầu, nguồn nhân sự đối với chức vụ Hiệu trưởng và đề xuất chủ trương bổ nhiệm;

Tập thể Lãnh đạo trường báo cáo Đảng ủy Trường, Hội đồng trường cho ý kiến xét duyệt chủ trương bổ nhiệm;

Sau đó, Hội đồng Trường có văn bản trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ trương, nguồn nhân sự quy hoạch chức danh Hiệu trưởng (kèm theo tóm tắt sơ yếu lý lịch của các cán bộ trong diện quy hoạch hoặc cán bộ nguồn từ nơi khác).

2. Thực hiện quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng ý về chủ trương, Chủ tịch Hội đồng trường chủ trì tiến hành quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng như sau:

a) Bước 1: Hội nghị Tập thể lãnh đạo Trường (lần 1): Thảo luận và thống nhất về tiêu chuẩn, điều kiện, nguồn nhân sự quy hoạch chức danh Hiệu trưởng, quy trình và cách làm bảo đảm dân chủ, chặt chẽ, công khai, minh bạch của công tác nhân sự theo quy định.

b) Bước 2: Hội nghị Tập thể lãnh đạo Trường mở rộng: Thảo luận và thống nhất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự và tiến hành lấy phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín (mỗi thành viên tham dự Hội nghị chỉ giới thiệu 1 nhân sự trong số các nhân sự quy hoạch hoặc cán bộ khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định);

Nguyên tắc lựa chọn:

Nhân sự nào đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp không có nhân sự nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn 2 nhân sự có số phiếu giới thiệu cao nhất từ trên xuống để giới thiệu ở các bước tiếp theo (phiếu có đóng dấu treo của Trường; kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị; có biên bản kiểm phiếu, biên bản hội nghị).

c) Bước 3: Hội nghị Tập thể Lãnh đạo trường (lần 2): Căn cứ vào cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ và khả năng đáp ứng của viên chức; trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín. (mỗi thành viên lãnh đạo chỉ giới thiệu 1 nhân sự cho một chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở hội nghị tập thể lãnh đạo “mở rộng” giới thiệu ở bước 2 hoặc giới thiệu nhân sự khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định).

Nguyên tắc lựa chọn:

Nhân sự nào đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu giới thiệu thì được lựa chọn; nếu không có nhân sự nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn 2 nhân sự có số phiếu giới thiệu cao nhất từ trên xuống để lấy phiếu tín nhiệm tại hội nghị cán bộ chủ chốt (phiếu có đóng dấu treo của Trường; kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị; có biên bản kiểm phiếu, biên bản hội nghị).

Trường hợp nếu kết quả giới thiệu của Tập thể Lãnh đạo trường khác với kết quả giới thiệu nhân sự của hội nghị Tập thể Lãnh đạo trường “mở rộng” thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét cho ý kiến trước khi tiến hành các bước tiếp theo.

Nếu nhân sự được giới thiệu là cán bộ quy hoạch nhưng không thuộc Trường (nguồn bên ngoài) thì triển khai theo quy trình bổ nhiệm nhân sự từ nơi khác được quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều này.

d) Bước 4: Lấy ý kiến cán bộ chủ chốt và cấp ủy đơn vị, tổ chức đảng cấp trên

(4.1) Lấy ý kiến của Hội nghị cán bộ chủ chốt (được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt)

Trình tự lấy ý kiến:

- Trao đổi, thảo luận về yêu cầu bổ nhiệm, điều kiện, tiêu chuẩn đối với chức danh Hiệu trưởng;

- Thông báo phương án giới thiệu của Tập thể lãnh đạo Trường tại Bước 3; tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, triển vọng và khả năng phát triển;

- Nhân sự được giới thiệu trình bày chương trình công tác dự kiến nếu được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng và trả lời chất vấn của cán bộ tham dự Hội nghị và các vấn đề có liên quan;

- Thực hiện ghi phiếu lấy ý kiến đối với nhân sự dự kiến bổ nhiệm bằng phiếu kín (phiếu có đóng dấu treo của Trường; kết quả kiểm phiếu không công bố

tại hội nghị nhưng được thông tin cho Đảng ủy Trường; có biên bản kiểm phiếu, biên bản hội nghị).

(4.2) *Lấy ý kiến bằng văn bản của Đảng ủy Trường và Đảng bộ Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội.*

đ) Bước 5: Hội nghị Tập thể Lãnh đạo trường (lần 3): Phân tích kết quả lấy phiếu ở các hội nghị; xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có); Tập thể Lãnh đạo trường thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín (phiếu có đóng dấu treo của Trường; kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị, có biên bản kiểm phiếu, biên bản hội nghị).

Nguyên tắc lựa chọn: Nhân sự nào đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu đồng ý thì được lựa chọn. Trường hợp có 02 nhân sự đạt tỷ lệ phiếu ngang nhau (đạt tỷ lệ 50%), đề xuất xem xét, lựa chọn nhân sự do Chủ tịch Hội đồng Trường giới thiệu để Hội đồng trường xem xét quyết định.

e) Bước 6: Hội nghị Hội đồng trường:

Đại diện Tập thể Lãnh đạo trường báo cáo kết quả thực hiện quy trình và kết quả lấy phiếu ở các hội nghị. Hội đồng trường thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín (phiếu có đóng dấu treo của Trường; kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị, có biên bản kiểm phiếu, biên bản cuộc họp).

Trường hợp nhân sự đạt tỷ lệ phiếu trên 50% số phiếu đồng ý của thành viên Hội đồng trường tham gia bỏ phiếu hoặc 50% số phiếu đồng ý và có phiếu đồng ý của Chủ tịch Hội đồng trường thì Hội đồng trường ra nghị quyết, hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định công nhận Hiệu trưởng.

Trường hợp còn lại, Hội đồng trường báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

a) Trường hợp nhân sự do Trường đề xuất: Tập thể Lãnh đạo trường báo cáo Đảng ủy Trường, Hội đồng trường cho ý kiến xét duyệt chủ trương bổ nhiệm nhân sự từ nơi khác. Hội đồng Trường có văn bản trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ trương. Sau khi có ý kiến xét duyệt chủ trương của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tập thể lãnh đạo Trường chỉ đạo tiến hành:

- Gặp nhân sự được đề nghị bổ nhiệm Hiệu trưởng để trao đổi về nhiệm vụ, yêu cầu công tác;

- Làm việc, trao đổi ý kiến của cấp ủy và lãnh đạo đơn vị nơi nhân sự đang công tác về nhu cầu bổ nhiệm; lấy nhận xét đánh giá của Tập thể lãnh đạo và cấp ủy đối với nhân sự; xác minh lý lịch cán bộ.

Sau khi lấy ý kiến của Đảng ủy Trường, Tập thể lãnh đạo Trường thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết nhân sự.

Hội đồng trường họp, bỏ phiếu quyết nghị Hiệu trưởng, hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định công nhận Hiệu trưởng (tương tự quy định tại Bước 6, Khoản 2, Điều này).

b) Trường hợp nhân sự do cơ quan cấp trên dự kiến bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ngoài Trường: Trường thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại Hiệu trưởng

Chủ tịch Hội đồng trường chủ trì tiến hành quy trình bổ nhiệm lại Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của Hội đồng trường như sau:

1. Bước 1: Xác định nhu cầu, đề xuất chủ trương bổ nhiệm lại

Hiệu trưởng làm báo cáo tự nhận xét đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ, gửi Tập thể lãnh đạo trường xem xét, xin ý kiến xét duyệt chủ trương của Đảng ủy và Hội đồng trường. Hội đồng trường có văn bản trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt chủ trương.

2. Bước 2: Lấy ý kiến cán bộ chủ chốt và cấp ủy đơn vị, tổ chức đảng cấp trên

(2.1) Lấy ý kiến của Hội nghị cán bộ chủ chốt (được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt)

Trình tự lấy ý kiến:

Chủ trì quán triệt mục đích, nội dung hội nghị; Hiệu trưởng báo cáo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ; Hội nghị tham gia góp ý kiến và bỏ phiếu tín nhiệm bằng phiếu kín (phiếu có đóng dấu treo của Trường; kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị; có biên bản kiểm phiếu, biên bản hội nghị).

(2.2) Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Đảng ủy Trường, Đảng bộ Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội.

3. Bước 3: Hội nghị Tập thể lãnh đạo trường: Thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín (phiếu có đóng dấu treo của Trường; kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị, có biên bản kiểm phiếu, biên bản hội nghị). Nhân sự được đề nghị bổ nhiệm lại phải đạt tỷ lệ phiếu trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý; trường hợp nhân sự đạt tỷ lệ phiếu không quá 50% thì Tập thể lãnh đạo trường báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để Hội đồng trường xem xét quyết định.

4. Bước 4: Hội nghị Hội đồng trường: Thực hiện tương tự nội dung tại Điểm e, Khoản 2, Điều 23.

Điều 25. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm Hiệu trưởng

1. Xin chủ trương:

Khi có đủ căn cứ miễn nhiệm đối với Hiệu trưởng trong các trường hợp được quy định tại Khoản 3, Điều 22, Tập thể Lãnh đạo trường báo cáo Đảng ủy Trường, Hội đồng trường cho ý kiến xét duyệt chủ trương miễn nhiệm.

Sau đó, Hội đồng Trường có văn bản trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt.

2. Thực hiện quy trình miễn nhiệm:

a) Căn cứ ý kiến xét duyệt của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tập thể lãnh đạo Trường họp thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín (việc quyết định miễn nhiệm đối với Hiệu trưởng phải được trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý; trường hợp đạt tỷ lệ 50% thì do chủ trì quyết định).

b) Lấy ý kiến bằng văn bản của Đảng ủy Trường và Đảng bộ Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội.

c) Hội đồng trường họp, thảo luận và bỏ phiếu quyết nghị việc miễn nhiệm Hiệu trưởng, hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định miễn nhiệm Hiệu trưởng.

Điều 26. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng

1. Xin chủ trương bổ nhiệm

Trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng, Tập thể lãnh đạo Trường họp thảo luận, thống nhất, xác định nhu cầu, số lượng, nguồn nhân sự đối với chức danh Phó Hiệu trưởng.

Tập thể lãnh đạo Trường báo cáo Đảng ủy, Hội đồng trường cho ý kiến xét duyệt chủ trương bổ nhiệm.

Sau đó, Hội đồng trường có văn bản trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ trương, nguồn nhân sự quy hoạch chức danh Phó Hiệu trưởng (kèm theo tóm tắt sơ yếu lý lịch của các cán bộ trong diện quy hoạch hoặc cán bộ nguồn từ nơi khác).

2. Thực hiện quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng ý về chủ trương, Chủ tịch Hội đồng trường chủ trì tiến hành quy trình bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng như sau:

a) Bước 1: Hội nghị Tập thể lãnh đạo Trường (lần 1): Thực hiện tương tự Bước 1, Điểm a, Khoản 2, Điều 23.

b) Bước 2: Hội nghị Tập thể lãnh đạo Trường mở rộng: Thực hiện tương tự Bước 2, Điểm b, Khoản 2, Điều 23.

c) Bước 3: Hội nghị Tập thể lãnh đạo Trường (lần 2): Thực hiện tương tự Bước 3, Điểm c, Khoản 2, Điều 23.

d) Bước 4: Lấy ý kiến cán bộ chủ chốt và cấp ủy đơn vị, tổ chức đảng cấp trên: Thực hiện tương tự Bước 4, Điểm d, Khoản 2, Điều 23.

đ) Bước 5: Hội nghị Tập thể lãnh đạo Trường (lần 3): Thực hiện tương tự Bước 5, Điểm e, Khoản 2, Điều 23.

e) Bước 6: Hội nghị Hội đồng trường:

Đại diện Tập thể Lãnh đạo trường báo cáo kết quả thực hiện quy trình và kết

quả lấy phiếu ở các hội nghị. Hội đồng trường thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín (phiếu có đóng dấu treo của Trường; kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị, có biên bản kiểm phiếu, biên bản cuộc họp).

Trường hợp nhân sự đạt tỷ lệ phiếu trên 50% số phiếu đồng ý của thành viên Hội đồng trường tham gia bỏ phiếu hoặc 50% số phiếu đồng ý và có phiếu đồng ý của Chủ tịch Hội đồng trường thì Hội đồng trường ra nghị quyết bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng.

Trường hợp còn lại, Hội đồng trường báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Đối với nguồn nhân sự từ bên ngoài

a) Trường hợp nhân sự do Trường đề xuất: Tập thể lãnh đạo trường báo cáo Đảng ủy Trường, Hội đồng trường cho ý kiến xét duyệt chủ trương bổ nhiệm nhân sự từ nơi khác. Hội đồng trường có văn bản trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ trương. Sau khi có ý kiến xét duyệt chủ trương của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tập thể lãnh đạo trường chỉ đạo tiến hành:

- Gặp nhân sự được đề nghị bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng để trao đổi về nhiệm vụ, yêu cầu công tác;

- Làm việc, trao đổi ý kiến của cấp ủy và lãnh đạo đơn vị nơi nhân sự đang công tác về nhu cầu bổ nhiệm; lấy nhận xét đánh giá của Tập thể lãnh đạo và cấp ủy đối với nhân sự; xác minh lý lịch cán bộ.

Sau khi lấy ý kiến của Đảng ủy Trường, Tập thể lãnh đạo trường thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết nhân sự.

Hội đồng trường họp, bỏ phiếu quyết nghị Phó Hiệu trưởng (tương tự quy định tại Bước 6, Khoản 2, Điều này).

b) Trường hợp nhân sự do cơ quan cấp trên dự kiến bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ngoài Trường: Trường thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng

Chủ tịch Hội đồng trường chủ trì tiến hành quy trình bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của Hội đồng trường như sau:

1. Bước 1: Xác định nhu cầu, đề xuất chủ trương bổ nhiệm lại: Thực hiện tương tự Bước 1, Khoản 1, Điều 24.

2. Bước 2: Lấy ý kiến cán bộ chủ chốt và cấp ủy đơn vị, tổ chức đảng cấp trên: Thực hiện tương tự Bước 2, Khoản 2, Điều 24.

3. Bước 3: Hội nghị Tập thể Lãnh đạo trường: Thực hiện tương tự Bước 3, Khoản 3, Điều 24.

4. Bước 4: Hội nghị Hội đồng trường: Thực hiện tương tự nội dung tại Bước 4, Khoản 4, Điều 24.

Điều 28. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng

1. Xin chủ trương: Thực hiện tương tự tại Khoản 1, Điều 25.

2. Thực hiện quy trình miễn nhiệm:

a) Thực hiện tương tự tại Điểm a, Khoản 2, Điều 25.

b) Thực hiện tương tự tại Điểm b, Khoản 2, Điều 25.

c) Hội đồng Trường họp, thảo luận và bỏ phiếu quyết nghị việc miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng.

Mục 4

CÁC ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC TRƯỜNG

Điều 29. Phân hiệu Trường Đại học Thủy lợi tại tỉnh Bình Dương

Tổ chức và hoạt động của Phân hiệu được mô tả chi tiết trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Phân hiệu do Hiệu trưởng ban hành trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng trường.

Điều 30. Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Khu đại học Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên

1. Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Khu đại học Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên thuộc cơ cấu tổ chức và chịu sự quản lý, điều hành của Trường.

2. Hiệu trưởng trực tiếp quản lý và điều hành mọi hoạt động của Trung tâm.

Điều 31. Các phòng chức năng

1. Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao.

2. Số lượng và tên gọi các phòng có thể thay đổi trong quá trình xây dựng và phát triển Trường. Hiệu trưởng xây dựng phương án cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các phòng trình Hội đồng trường xem xét quyết nghị phê duyệt trên cơ sở nguyên tắc một đơn vị có thể phụ trách nhiều công việc nhưng một công việc chỉ do một đơn vị phụ trách.

3. Trưởng phòng phải có trình độ đại học trở lên. Riêng Trưởng các phòng Đào tạo, Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế phải có trình độ tiến sĩ, có kinh nghiệm giảng dạy đại học ít nhất 5 năm, thành thạo tiếng Anh; Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ phải có kinh nghiệm giảng dạy đại học ít nhất 5 năm.

4. Phó trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của phòng theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Phó trưởng phòng phải có trình độ đại học trở lên. Mỗi phòng chức năng có từ 1 đến 2 phó trưởng phòng tùy theo quy mô của đơn vị.

5. Trưởng phòng có nhiệm kỳ 5 năm theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp tại một đơn vị. Phó trưởng phòng có nhiệm kỳ 5 năm, theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại. Độ tuổi khi bổ nhiệm lần đầu của Trưởng phòng, Phó trưởng phòng đảm bảo đủ thời gian 05 năm công tác (theo quy định hiện hành về tuổi nghỉ hưu)

tính từ khi thực hiện quy trình bổ nhiệm. Nếu được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ Trưởng phòng, Phó trưởng phòng thì sau khi bổ nhiệm, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng phải là giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của Nhà trường.

Hiệu trưởng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó trưởng phòng. Tiêu chuẩn cụ thể, quy trình giới thiệu, bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó trưởng phòng do Hiệu trưởng quy định trên cơ sở các văn bản hiện hành của Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

6. Hằng năm, Hiệu trưởng đánh giá Trưởng phòng và Phó trưởng phòng về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất đối với Trưởng phòng và Phó trưởng phòng. Hiệu trưởng quyết định thay thế Trưởng phòng, Phó trưởng phòng khi không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 32. Khoa

1. Khoa là tổ chức chuyên môn trực thuộc Trường, có các nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Quản lý giảng viên, người lao động khác và người học thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;

b) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của Trường, bao gồm: Xây dựng chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành được Trường giao nhiệm vụ; tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các học phần liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các học phần của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo; tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của Nhà trường; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động; xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng đào tạo, kiểm định các chương trình đào tạo. Việc phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy và kiểm tra, đánh giá phải thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định cụ thể của Trường;

c) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của nhà tuyển dụng vào quá trình đào tạo của khoa;

d) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, người lao động, người học; có kế hoạch

đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và người lao động khác thuộc khoa;

e) Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ trong khoa và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong Trường theo quy định.

2. Trường khoa, Phó trường khoa

a) Trường khoa phải có trình độ tiến sĩ phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo tại khoa. Trường khoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Khoa quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Mỗi khoa có không quá 2 Phó trường khoa để giúp Trường khoa trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Khoa. Trường hợp khác, Hiệu trưởng đề xuất Hội đồng trường xem xét, quyết nghị.

Phó trường khoa phải có trình độ thạc sĩ trở lên, riêng Phó trường khoa phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ phải có trình độ tiến sĩ.

c) Trường khoa, Phó trường khoa phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ đại học, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý. Nếu được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ Trường khoa, Phó trường khoa thì sau khi bổ nhiệm, Trường khoa, Phó trường khoa phải là giảng viên cơ hữu của Nhà trường. Trường khoa có nhiệm kỳ 5 năm theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại, nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp tại một đơn vị. Phó trường khoa có nhiệm kỳ 5 năm, theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại. Độ tuổi khi bổ nhiệm lần đầu của Trường khoa, Phó trường khoa phải đảm bảo đủ thời gian 05 năm công tác (theo quy định hiện hành về tuổi nghỉ hưu) tính từ khi thực hiện quy trình bổ nhiệm.

d) Hiệu trưởng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Trường khoa, Phó trường khoa. Tiêu chuẩn cụ thể, quy trình giới thiệu, bổ nhiệm và miễn nhiệm Trường khoa, Phó trường khoa do Hiệu trưởng quy định trên cơ sở các văn bản hiện hành của Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

đ) Hằng năm, Hiệu trưởng đánh giá các Trường khoa và Phó trường khoa về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Sau 2 năm kể từ ngày được bổ nhiệm, Hiệu trưởng tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Trường khoa, Phó trường khoa. Trường hợp Trường khoa, Phó trường khoa có số phiếu tín nhiệm thấp hơn 50% số người được lấy ý kiến thì sẽ điều chuyển làm nhiệm vụ khác hoặc cho thôi chức vụ. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đột xuất.

3. Giúp việc cho Trường khoa, Phó trường khoa có các viên chức theo từng nhiệm vụ về tổ chức, đào tạo, khoa học, hợp tác quốc tế, vật tư, văn thư, tư liệu. Các viên chức làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách tùy theo quy mô của từng khoa do Trường quy định.

4. Hội đồng khoa

a) Hội đồng khoa được thành lập để tư vấn cho Trường khoa trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của khoa quy định tại Khoản 1 Điều này; tư vấn cho Trường khoa trong đổi mới quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của khoa. Hội đồng khoa có Chủ tịch hội đồng khoa và các thành viên do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trường khoa; có số lượng thành viên là số lẻ và có tối thiểu 7 thành viên, gồm: Trường khoa, các phó trưởng khoa, các trưởng bộ môn, một số giảng viên, nghiên cứu viên trong Khoa là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và một số thành viên bên ngoài Khoa, ngoài Trường có trình độ và kinh nghiệm liên quan đến phát triển chuyên môn của Khoa (nếu cần thiết).

b) Chủ tịch Hội đồng khoa do Hội đồng khoa bầu trong số các thành viên Hội đồng khoa theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và được trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng khoa đồng ý.

c) Hội đồng khoa họp ít nhất 1 lần trong một học kỳ do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên hội đồng ít nhất 3 ngày; cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng khoa biểu quyết đồng ý. Biên bản cuộc họp của Hội đồng khoa phải được gửi kèm cùng với những đề xuất tương ứng của Trường khoa khi trình Hiệu trưởng xem xét quyết định những vấn đề liên quan đến tổ chức nhân sự, hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của Khoa.

d) Số lượng thành viên và thủ tục lựa chọn các thành viên, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa do Trường quy định.

5. Các khoa có thể thành lập Hội đồng tư vấn ngành do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của Trường khoa để tư vấn cho Trường khoa trong trường hợp cần thiết phục vụ cho công tác quản lý, điều hành khoa theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Hội đồng tư vấn ngành có thể có các thành viên ngoài khoa hoặc ngoài Trường, không phải là giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý cơ hữu của trường (nếu thấy cần thiết), làm theo vụ việc và không hưởng lương. Thủ tục thành lập và hoạt động của Hội đồng tư vấn ngành do Trường quy định.

Điều 33. Viện có chức năng đào tạo

1. Viện có chức năng đào tạo là các đơn vị có tư cách pháp nhân trực thuộc Trường, vừa có chức năng đào tạo như các khoa, vừa có chức năng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tư vấn...

2. Cơ cấu tổ chức của Viện có chức năng đào tạo có thể bao gồm: các bộ môn, phụ trách các môn học trong chương trình đào tạo do Viện phụ trách; các trung tâm, phòng, xưởng thiết kế... phụ trách nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và các nhiệm vụ chuyên môn khác trong các mảng chuyên môn khác nhau; phân viện, văn phòng đại diện ở các địa phương khác nơi đặt trụ sở chính của viện; Hội đồng viện và các hội đồng tư vấn khác.

3. Viện có chức năng đào tạo có các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Quản lý giảng viên, người lao động khác và người học thuộc viện theo phân cấp của Hiệu trưởng;

b) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của Trường, bao gồm: Xây dựng chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành được Trường giao nhiệm vụ; tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo; tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của Nhà trường; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động; xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng đào tạo, kiểm định các chương trình đào tạo. Việc phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy và kiểm tra, đánh giá phải thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ, các hoạt động khoa học công nghệ khác, theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học công nghệ được các cơ quan có thẩm quyền cấp; hợp tác quốc tế, hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của Viện;

d) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và người lao động khác thuộc Viện;

e) Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ trong Viện và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong Trường theo quy định.

4. Viện trưởng, Phó viện trưởng

a) Viện trưởng phải có trình độ tiến sĩ phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo tại Viện. Viện trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Viện quy định tại Khoản 3 Điều này.

b) Mỗi viện có các Phó viện trưởng để giúp Viện trưởng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Viện. Tùy theo quy mô đào tạo và quy mô hoạt động khoa học công nghệ, mỗi viện có từ 1 đến 3 phó viện trưởng. Phó viện trưởng phải có trình độ thạc sĩ trở lên, riêng Phó viện trưởng phụ trách hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phải có trình độ tiến sĩ phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo tại Viện.

c) Viện trưởng, Phó viện trưởng phụ trách đào tạo phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ đại học, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý. Nếu được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ Viện trưởng, Phó viện trưởng phụ trách đào tạo thì sau khi bổ nhiệm, Viện trưởng, Phó viện trưởng phải là giảng viên cơ hữu của Nhà trường. Viện trưởng có nhiệm kỳ 5 năm theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại, nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp tại một đơn vị. Nhiệm kỳ của Phó viện trưởng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại. Độ tuổi khi bổ nhiệm lần đầu của Viện trưởng, Phó viện trưởng phải đảm bảo đủ thời gian 05 năm công tác (theo quy định hiện hành về tuổi nghỉ hưu) tính từ khi thực hiện quy trình bổ nhiệm.

d) Hiệu trưởng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm viện trưởng, phó viện trưởng. Tiêu chuẩn cụ thể, quy trình giới thiệu, bổ nhiệm và miễn nhiệm viện trưởng và phó viện trưởng do Hiệu trưởng quy định trên cơ sở các văn bản hiện hành của Nhà nước và được Hội đồng trường quyết nghị phê duyệt.

đ) Hằng năm, Hiệu trưởng đánh giá các viện trưởng và phó viện trưởng về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Sau 2 năm kể từ ngày được bổ nhiệm, Hiệu trưởng tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với viện trưởng, phó viện trưởng. Trường hợp viện trưởng, phó viện trưởng có số phiếu tín nhiệm thấp hơn 50% số người được lấy ý kiến thì sẽ điều chuyển làm nhiệm vụ khác hoặc cho thôi chức vụ. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đột xuất.

5. Hội đồng viện

a) Hội đồng viện được thành lập để tư vấn cho Viện trưởng trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Viện quy định tại Khoản 3 Điều này; tư vấn cho Viện trưởng trong đổi mới quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của Viện. Hội đồng viện có Chủ tịch hội đồng viện và các thành viên do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Viện trưởng; có số lượng thành viên là số lẻ và có tối thiểu 7 thành viên, gồm: Viện trưởng, các phó viện trưởng, các trưởng bộ môn, một số giảng viên, nghiên cứu viên trong Viện là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và một số thành viên bên ngoài Viện, ngoài Trường có trình độ và kinh nghiệm liên quan đến phát triển chuyên môn của Viện (nếu cần thiết).

b) Chủ tịch Hội đồng viện do Hội đồng viện bầu trong số các thành viên Hội đồng viện theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và được trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng viện đồng ý.

c) Hội đồng viện họp ít nhất 1 lần trong một học kỳ do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên hội đồng ít nhất 3 ngày; cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng viện biểu quyết đồng ý. Biên bản cuộc họp của Hội đồng viện phải được gửi kèm cùng với những đề xuất tương ứng của Viện trưởng khi trình Hiệu trưởng xem xét quyết định những vấn đề liên quan đến tổ chức nhân sự, hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của Viện.

d) Số lượng thành viên và thủ tục lựa chọn các thành viên, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng viện do Trường quy định.

6. Các viện có thể thành lập Hội đồng tư vấn ngành do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của Viện trưởng để tư vấn cho Viện trưởng trong trường hợp cần thiết phục vụ cho công tác quản lý, điều hành viện theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Hội đồng tư vấn ngành có thể có các thành viên ngoài Viện hoặc ngoài Trường, không phải là giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý cơ hữu của Trường (nếu thấy cần thiết), làm theo vụ việc và không hưởng lương. Thủ tục thành lập và hoạt động của Hội đồng tư vấn ngành do Trường quy định.

7. Viện trưởng xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện báo cáo Hiệu trưởng trình Hội đồng trường quyết nghị phê duyệt. Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện theo nghị quyết của Hội đồng trường.

Điều 34. Bộ môn

1. Bộ môn là đơn vị chuyên môn thuộc các đơn vị đào tạo thuộc Trường.

2. Bộ môn có các nhiệm vụ sau đây:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy của những môn học được giao trong chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy chung của Trường, của Khoa;

b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung môn học; tổ chức biên soạn giáo trình, xây dựng tài liệu tham khảo phù hợp với nội dung môn học được Trường khoa, Hiệu trưởng giao;

c) Nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy; tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của sinh viên theo quy định của Nhà trường;

d) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của Trường và Khoa;

đ) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của bộ môn; tham gia tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực chuyên môn;

e) Tổ chức đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của cá nhân, của bộ môn, của Khoa và Trường theo yêu cầu của Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Trường khoa.

3. Trưởng bộ môn phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ đại học, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý, có trình độ tiến sĩ. Đối với bộ môn Giáo dục thể chất, nếu không có tiến sĩ có thể bổ nhiệm người có trình độ thạc sĩ làm Trưởng bộ môn. Nếu được điều động từ cơ quan, tổ chức khác để bổ nhiệm vào chức vụ Trưởng bộ môn thì sau khi bổ nhiệm, Trưởng bộ môn phải là giảng viên cơ hữu của Nhà trường.

Trưởng bộ môn có nhiệm kỳ 5 năm theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại. Độ tuổi bổ nhiệm lần đầu của Trưởng bộ môn phải đảm bảo đủ thời gian 05 năm công tác (theo quy định hiện hành về tuổi nghỉ hưu) tính từ khi

thực hiện quy trình bổ nhiệm. Trưởng bộ môn có quyền và nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của bộ môn quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Phó trưởng bộ môn phải có trình độ thạc sĩ trở lên. Số lượng Phó Trưởng bộ môn không quá hai người. Nhiệm kỳ của Phó trưởng bộ môn theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại.

Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng bộ môn, Phó trưởng bộ môn theo quy định của pháp luật và của Trường.

Điều 35. Viện, trung tâm hoạt động khoa học công nghệ

1. Các viện, trung tâm hoạt động khoa học công nghệ là đơn vị trực thuộc Trường, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; được thành lập với mục tiêu triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường. Các viện, trung tâm này tự chủ hoàn toàn về tài chính và nhân sự, có thể được Trường hỗ trợ về địa điểm, văn phòng làm việc.

2. Các viện, trung tâm đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức theo quyết định thành lập. Viện trưởng, Giám đốc trung tâm xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của viện, trung tâm, báo cáo Hiệu trưởng trình Hội đồng trường quyết nghị phê duyệt. Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của viện, trung tâm theo nghị quyết của Hội đồng trường.

3. Việc thành lập, tổ chức lại các viện, trung tâm hoạt động khoa học công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Quy chế này.

4. Viện trưởng, Phó viện trưởng; Giám đốc, Phó giám đốc trung tâm

Viện có Viện trưởng và các phó viện trưởng, Trung tâm có Giám đốc trung tâm và các phó giám đốc trung tâm do Hiệu trưởng bổ nhiệm. Viện trưởng phải có học vị tiến sĩ phù hợp với ngành nghề và lĩnh vực hoạt động của Viện. Tiêu chuẩn cụ thể, số lượng phó viện trưởng, phó giám đốc, quy trình giới thiệu, bổ nhiệm và miễn nhiệm viện trưởng, giám đốc và phó viện trưởng, phó giám đốc do Hiệu trưởng quy định trên cơ sở các văn bản hiện hành của Nhà nước và được Hội đồng trường quyết nghị phê duyệt.

Điều 36. Các phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành

1. Các phòng thí nghiệm công nghệ cao, cơ sở thực hành trực thuộc Trường hoặc thuộc Phân hiệu được đầu tư trọng điểm, đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu chuyên sâu của cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh trong các lĩnh vực khoa học công nghệ khác nhau trong Trường.

2. Các phòng thí nghiệm khác được giao cho các khoa, bộ môn quản lý để phục vụ trực tiếp công tác đào tạo các ngành, chuyên ngành, môn học do khoa, bộ môn phụ trách. Các phòng thí nghiệm này cũng được Nhà trường ưu tiên đầu tư nâng cấp để không ngừng nâng cao chất lượng thực hành, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Hiệu trưởng quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, bộ máy và nhân sự của các phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành.

Điều 37. Thư viện, Trang Thông tin điện tử, Tạp chí Khoa học công nghệ

1. Trường có Thư viện phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ. Thư viện có trách nhiệm quản lý, bổ sung và cung cấp thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực hoạt động của Trường, thu thập và bảo quản các sách, tạp chí, băng, đĩa, các tài liệu lưu trữ, các luận văn, luận án của người học do Trường tổ chức đào tạo, các ấn phẩm của Trường. Thư viện chuyên ngành hoạt động theo quy định của pháp luật và theo quy định của Trường.

2. Trang thông tin điện tử có nhiệm vụ đăng tải thông tin liên quan đến các hoạt động của Nhà trường, đảm bảo các thông tin tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trang thông tin điện tử có Ban biên tập chịu trách nhiệm về nội dung thông tin và quản trị hệ thống; có quy chế hoạt động và cung cấp thông tin phù hợp với quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, quản lý thông tin trên mạng Internet và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Tạp chí khoa học công nghệ của Trường đăng tải các công trình nghiên cứu nhằm phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường, có ban biên tập. Bài đăng trên tạp chí khoa học công nghệ phải qua phản biện. Quy trình phản biện và điều kiện đăng bài phải được thông báo công khai. Tạp chí khoa học công nghệ có thể được xuất bản theo bản in hay bản điện tử theo quy định hiện hành về xuất bản. Trưởng ban biên tập hoặc Tổng biên tập phải chịu trách nhiệm về thông tin và chất lượng khoa học của tạp chí, tập san khoa học công nghệ.

Quy chế hoạt động của Tạp chí do Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi ban hành phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 38. Vườn ươm công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp

Đề tận dụng và phát huy trí tuệ, năng lực sáng tạo của các nhà khoa học và sinh viên nhằm thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, Trường xây dựng vườn ươm doanh nghiệp khoa học công nghệ để triển khai ứng dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, phát minh, sáng chế của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Trường; phát triển và hoàn thiện Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo nhằm hỗ trợ công tác ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp trên nền tảng công nghệ (start-ups, spin-off) gắn với trường đại học và từ cộng đồng khởi nghiệp; xây dựng nền văn hóa đổi mới sáng tạo trong trường đại học để phát triển các hoạt động khởi nghiệp của giảng viên và sinh viên Trường Đại học Thủy lợi.

Các nhóm nghiên cứu, doanh nghiệp khởi nghiệp có thể sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị do Nhà trường đầu tư tại các vườn ươm công nghệ cũng như tất cả các phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành của Trường. Việc thành lập Vườn ươm doanh nghiệp khoa học công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục 5

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO, HỘI ĐỒNG TƯ VẤN

Điều 39. Hội đồng khoa học và đào tạo

1. Hội đồng khoa học và đào tạo được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng, có nhiệm kỳ 5 năm theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng, có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về những công việc sau:

a) Xây dựng quy chế, quy định về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm;

b) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Nhà trường;

c) Xây dựng đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ các chương trình đào tạo; đổi mới và phát triển chương trình đào tạo; thẩm định chương trình đào tạo; xem xét công nhận chuyển đổi tín chỉ;

d) Định hướng phát triển, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế;

đ) Phân công thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ; xây dựng kế hoạch hợp tác với cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở sản xuất kinh doanh, tổ chức và cá nhân ở trong nước, nước ngoài để triển khai các hoạt động liên quan đến đào tạo, khoa học và công nghệ;

e) Đề xuất danh sách thành viên Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở; bổ nhiệm các chức danh giáo sư, phó giáo sư trong Trường; trao tặng danh hiệu giáo sư danh dự, tiến sĩ danh dự của Nhà trường cho các cá nhân;

g) Lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng Nhà trường; các phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên; các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu ra; đánh giá giảng viên, đánh giá chất lượng của trang thông tin điện tử, tạp chí khoa học công nghệ, đánh giá việc tổ chức và quản lý đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị trong Trường.

2. Hội đồng khoa học và đào tạo có Chủ tịch, Thư ký và các thành viên; có số lượng thành viên là số lẻ từ 11 đến 25 thành viên, bao gồm: Hiệu trưởng, một số Phó hiệu trưởng; Trưởng của một số khoa, viện, phòng chức năng trong Trường; đại diện giảng viên, nghiên cứu viên của Nhà trường có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc trình độ tiến sĩ; một số đại diện các nhà khoa học có liên quan hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường, không phải giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của Trường. Hiệu trưởng quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường.

3. Chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo do Hội đồng bầu trong các thành viên của Hội đồng theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và phải được trên 50% tổng số

thành viên theo danh sách của hội đồng đồng ý; Chủ tịch hội đồng chỉ định Thư ký Hội đồng trong số các thành viên của hội đồng.

4. Hội đồng khoa học và đào tạo họp ít nhất một lần trong một học kỳ do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên Hội đồng ít nhất 3 ngày; cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của hội đồng khoa học và đào tạo biểu quyết đồng ý. Biên bản của cuộc họp phải được trình lên Hiệu trưởng trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp.

Điều 40. Các Hội đồng tư vấn và Ban công tác

1. Hiệu trưởng có thể thành lập Hội đồng tư vấn, Ban công tác để tư vấn về một số công việc cần thiết, liên quan đến việc triển khai, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Hội đồng tư vấn, Ban công tác làm theo vụ việc và không hưởng lương.

2. Căn cứ các quy định hiện hành, Hiệu trưởng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên trong Hội đồng tư vấn, Ban công tác theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng. Nhiệm vụ, hoạt động của Hội đồng tư vấn, Ban công tác do Hiệu trưởng quy định.

Mục 6

CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, ĐOÀN THỂ VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI

Điều 41. Tổ chức Đảng Cộng sản

1. Đảng bộ Trường Đại học Thủy lợi là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội, có vai trò là hạt nhân chính trị lãnh đạo Trường thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật, của Nhà nước; xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và mọi mặt công tác trong Nhà trường.

2. Đảng bộ Trường hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, Quy chế làm việc của Đảng ủy Trường; có nhiệm vụ xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

3. Đảng ủy Trường là tổ chức Đảng đại diện cho Đảng bộ Trường giữa 2 kỳ Đại hội, lãnh đạo toàn diện Đảng bộ và Nhà trường, hoạt động theo Điều lệ Đảng và các quy định của pháp luật, có trách nhiệm ban hành và lãnh đạo Nhà trường theo các nghị quyết về các mặt công tác của Trường.

Điều 42. Các đoàn thể và tổ chức xã hội

Các đoàn thể và tổ chức xã hội, gồm Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức xã hội khác hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của mỗi đoàn thể, tổ chức xã hội; chịu sự lãnh đạo

của Đảng ủy Trường và có trách nhiệm góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường.

Văn phòng Công đoàn, Văn phòng Đoàn Thanh niên được bố trí cán bộ chuyên trách để thực hiện các công tác tham mưu, nghiệp vụ giúp Ban chấp hành Công đoàn và Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Nhà trường. Biên chế của Văn phòng Công đoàn, Văn phòng Đoàn Thanh niên do Hội đồng Trường quyết định theo đề nghị của Hiệu trưởng.

Chương III

VIÊN CHỨC

Điều 43. Nhiệm vụ và quyền của viên chức

1. Thực hiện nhiệm vụ của viên chức và người lao động theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Đại học, Luật viên chức, Bộ Luật Lao động và pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện các quy chế, nội quy, quy định của Trường.

3. Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn và các công tác được giao.

4. Tham gia góp ý kiến vào việc phát triển Trường; xây dựng các quy định, quy chế và giải quyết những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tham gia đánh giá kết quả hoạt động của Trường và của đơn vị nơi công tác theo quy định của pháp luật và quy chế, quy định của Trường.

5. Được hưởng các quyền của viên chức theo quy định của pháp luật, được tạo các điều kiện cần thiết để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

6. Được đánh giá hằng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của mình; được xem xét đề nghị thi đua, khen thưởng theo quy định; được hưởng quyền lợi khác do Trường quy định và có nghĩa vụ tuân thủ Quy chế này và quy định của pháp luật.

Điều 44. Giảng viên

Giảng viên là tên gọi chung của viên chức giảng dạy bao gồm các chức danh: Giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên.

1. Tiêu chuẩn của giảng viên

a) Tiêu chuẩn chung

- Có nhân thân rõ ràng, có phẩm chất, đạo đức tốt;

- Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu nghề nghiệp;

- Trình độ tối thiểu của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là thạc sĩ, trừ chức danh trợ giảng; trình độ tối thiểu của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ, tiến sĩ là tiến sĩ. Trường ưu tiên tuyển dụng người có trình độ tiến sĩ làm giảng viên; phát triển, ưu đãi đội ngũ giáo sư đầu ngành để phát triển các ngành đào tạo;

- Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và các chứng chỉ nghề nghiệp khác theo quy định hiện hành; có trình độ tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên môn về nghe, nói, đọc, viết đủ để làm việc với các chuyên gia nước ngoài có cùng chuyên môn; trình độ tin học đáp ứng yêu cầu công việc.

b) Tiêu chuẩn cụ thể của giảng viên được quy định trong Quy định về tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giảng viên do Hiệu trưởng ban hành dựa theo các quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đặc thù ngành nghề đào tạo, yêu cầu phát triển của Trường và mức độ sẵn có của nguồn nhân lực trình độ cao trong nước.

2. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên

a) Giảng dạy, phát triển chương trình đào tạo, thực hiện đầy đủ, bảo đảm chất lượng đào tạo.

b) Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, bảo đảm chất lượng đào tạo.

c) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

d) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của giảng viên.

đ) Tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.

e) Tham gia quản lý và giám sát các hoạt động của Trường, tham gia công tác Đảng, đoàn thể, công tác quản lý người học và các công tác khác.

g) Độc lập về quan điểm chuyên môn trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học trên nguyên tắc phù hợp với lợi ích của Nhà nước và xã hội; được ký hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với Trường, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ quan, tổ chức khác theo quy định của Trường.

h) Được bổ nhiệm chức danh của giảng viên, được phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú và được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

i) Được hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và các chính sách khác theo quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Trường.

k) Được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

l) Giảng viên tham gia hoạt động khoa học và công nghệ được hưởng quyền theo quy định tại Luật Khoa học và công nghệ và quy định của Trường về hoạt động khoa học công nghệ; giảng viên làm công tác quản lý trong Trường nếu tham gia giảng dạy thì được hưởng các chế độ đối với giảng viên theo quy định của pháp luật và quy định hợp pháp của Trường.

m) Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo Quy chế này và quy định khác của

pháp luật có liên quan.

3. Chính sách đối với giảng viên

a) Giảng viên của Trường được cử đi học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ.

b) Giảng viên có trình độ tiến sĩ, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư của Trường có thể kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nếu có đủ sức khỏe, tự nguyện kéo dài thời gian làm việc, đồng thời Trường có nhu cầu. Hiệu trưởng ban hành quy định kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên thuộc các đối tượng nêu trên.

c) Hiệu trưởng xây dựng quy định về chính sách thu hút và đãi ngộ đối với giảng viên trình độ cao, đặc biệt trong các ngành nghề xã hội có nhu cầu lớn và Trường có kế hoạch phát triển trình Hội đồng trường quyết nghị phê duyệt. Hiệu trưởng ban hành quy định về chính sách thu hút và đãi ngộ đối với giảng viên trình độ cao theo nghị quyết của Hội đồng trường.

4. Các hành vi giảng viên không được làm

a) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học và người khác.

b) Gian lận trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.

c) Lợi dụng danh hiệu nhà giáo và hoạt động giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

d) Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật và của Trường.

Điều 45. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên

1. Trường được mời người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 44 của Quy chế này đến giảng dạy theo chế độ thỉnh giảng.

2. Người được mời thỉnh giảng phải thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 44 của Quy chế này.

3. Người được mời thỉnh giảng là cán bộ, công chức, viên chức phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ ở nơi mình công tác.

4. Trường được mời báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân ở trong nước và nước ngoài.

Điều 46. Các viên chức khác

1. Các viên chức khác của Trường, gồm nghiên cứu viên, kỹ sư, chuyên viên, kế toán viên, thư viện viên, biên tập viên, kỹ thuật viên, cán sự... và nhân viên khác. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các viên chức và từng vị trí việc làm thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường.

2. Viên chức đảm nhận vị trí việc làm về hợp tác quốc tế, khoa học - công nghệ, đào tạo sau đại học, đảm bảo chất lượng phải thông thạo tiếng Anh giao tiếp

và tiếng Anh chuyên môn của vị trí việc làm đảm nhận. Mức độ thông thạo tiếng Anh do Hiệu trưởng quy định.

Chương IV

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA NGƯỜI HỌC

Điều 47. Người học của Trường

Người học của Trường Đại học Thủy lợi là người đang học tập và nghiên cứu khoa học tại Trường, gồm sinh viên chương trình đào tạo đại học; học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ; nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ; nghiên cứu viên sau tiến sĩ; học viên của các lớp đào tạo ngắn hạn.

Điều 48. Nhiệm vụ và quyền của người học

1. Học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện theo quy định.
2. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của Trường; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện.
3. Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập và thi cử, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.
4. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt đối xử về giới, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân; được định hướng nghề nghiệp và cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện.
5. Được bảo đảm điều kiện học tập, tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và khởi nghiệp, hoạt động rèn luyện kỹ năng hoàn thiện bản thân, tham gia hoạt động đoàn thể, hoạt động vì cộng đồng và hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao.
6. Đóng góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.
7. Được hưởng chính sách đối với người học thuộc đối tượng hưởng ưu tiên và chính sách xã hội.
8. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo các quy định cụ thể của Trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 49. Các hành vi người học không được làm

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người học của Trường và người khác.
2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh.
3. Tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh trật tự trong Trường hoặc nơi công cộng và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
4. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật.

Điều 50. Chính sách đối với người học

1. Người học trong Trường được hưởng các chính sách về học bổng và trợ

cấp xã hội, chế độ cử tuyển, tín dụng giáo dục, miễn, giảm phí dịch vụ công cộng theo quy định.

2. Người học các ngành chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh không phải đóng học phí, được ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội.

3. Trường thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về chính sách ưu tiên đối với người học thuộc đối tượng được hưởng ưu tiên và chính sách xã hội.

Điều 51. Nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Nhà nước

1. Người học chương trình giáo dục đại học nếu được hưởng học bổng và chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước Việt Nam, thì sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc của Nhà nước trong thời gian ít nhất là gấp đôi thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo, nếu không chấp hành thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày người học được công nhận tốt nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm phân công làm việc đối với người học đã được công nhận tốt nghiệp, quá thời hạn trên, nếu người học không được phân công làm việc thì không phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo.

2. Người được cử đi học theo chế độ cử tuyển thực hiện sự phân công công tác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đi học. Nếu không thực hiện, phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định.

3. Trường thực hiện quy định của Chính phủ về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo.

Chương V

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 52. Mở ngành đào tạo

1. Trường được mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ khi đảm bảo các điều kiện:

a) Ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước, của từng lĩnh vực bảo đảm hội nhập quốc tế;

b) Có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu bảo đảm về số lượng, chất lượng, trình độ và cơ cấu;

c) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu;

d) Có chương trình đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục Đại học.

2. Trường thực hiện quy định chi tiết của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện mở ngành đào tạo; quy định trình tự, thủ tục mở ngành, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo; quyết định cho phép mở ngành đối với Trường chưa đủ

điều kiện được tự chủ mở ngành đào tạo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14.

3. Trường được tự chủ mở ngành đào tạo trình độ đại học khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 32 của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14; khi đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học thì được tự chủ mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành phù hợp; khi đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ thì được tự chủ mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành phù hợp; trường hợp mở ngành mới trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, Trường được tự chủ mở ngành và thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 33 và quy định về kiểm định chất lượng của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14.

4. Trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được đánh giá chất lượng; ngay sau khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được kiểm định theo quy định của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14. Trường hợp không thực hiện đánh giá, kiểm định hoặc kết quả đánh giá, kiểm định không đạt yêu cầu, Trường phải có trách nhiệm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, bảo đảm quyền lợi cho người học, không được tiếp tục tuyển sinh ngành đào tạo đó cho đến khi đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

5. Trường không tự chủ mở ngành đào tạo khi chưa bảo đảm các điều kiện theo quy định.

Điều 53. Chỉ tiêu tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh

1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

a) Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định theo ngành, nhóm ngành đào tạo trên cơ sở nhu cầu lao động của thị trường, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phù hợp với các điều kiện về số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tỷ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp của Trường và các điều kiện bảo đảm chất lượng khác;

b) Trường tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh; công bố công khai chỉ tiêu tuyển sinh, chất lượng đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, tỷ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp; bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố;

c) Nếu vi phạm quy định về đối tượng, điều kiện, chỉ tiêu tuyển sinh thì Trường bị xử lý theo quy định của pháp luật và không được tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ khi có kết luận về việc vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tổ chức tuyển sinh:

a) Phương thức tuyển sinh gồm: thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển;

b) Trường tự chủ quyết định phương thức tuyển sinh và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh.

3. Trường thực hiện quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế tuyển sinh, quy định nguồn tuyển sinh trình độ đại học từ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, người tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp; quy định tiêu chí, nguyên tắc, quy trình xác định chỉ tiêu tuyển sinh; quy định chỉ tiêu tuyển sinh của Trường quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 34 Luật Giáo dục Đại học sửa đổi số 34/2018/QH14.

Điều 54. Thời gian đào tạo

1. Thời gian đào tạo được xác định trên cơ sở số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng chương trình và trình độ đào tạo. Số lượng tín chỉ cần tích lũy đối với mỗi trình độ được quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Hiệu trưởng quyết định số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng chương trình và trình độ đào tạo phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; quy định thời gian đào tạo tiêu chuẩn đối với các trình độ của giáo dục đại học trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 55. Chương trình, giáo trình giáo dục đại học

1. Chương trình đào tạo:

a) Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo; chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật của đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó;

b) Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, bao gồm các loại chương trình định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng, định hướng nghề nghiệp; bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ, ngành đào tạo; bảo đảm quy định về chuẩn chương trình đào tạo;

c) Trường được sử dụng chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp bằng hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng hợp pháp cấp; bảo đảm quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

d) Trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

đ) Chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục thường xuyên có nội dung như chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục chính quy.

2. Giáo trình giáo dục đại học:

a) Giáo trình giáo dục đại học cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học bảo đảm mục tiêu của các trình độ đào tạo của giáo dục đại học;

b) Trường sử dụng giáo trình sử dụng chung các môn lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn để làm tài liệu giảng dạy, học tập trong Trường;

c) Hiệu trưởng tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, duyệt giáo trình giáo dục đại học để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập trong Trường trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Hiệu trưởng thành lập;

d) Trường phải thực hiện các quy định về sở hữu trí tuệ và bản quyền trong sử dụng giáo trình và công bố công trình nghiên cứu khoa học.

3. Trường thực hiện quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; quy định các môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo đối với các trình độ đào tạo của Trường có vốn đầu tư nước ngoài; quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học.

Điều 56. Tổ chức và quản lý đào tạo

1. Trường có trách nhiệm tổ chức và quản lý đào tạo theo tín chỉ, niên chế hoặc kết hợp tín chỉ và niên chế.

2. Trường được liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh; trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân với điều kiện cơ sở được liên kết đào tạo bảo đảm các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo; không thực hiện liên kết đào tạo đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề.

3. Trường có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, thực tập và tăng cơ hội việc làm của sinh viên.

4. Căn cứ vào nhu cầu của địa phương và đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trường đóng trên địa bàn cung cấp các chương trình giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học; đào tạo chuyển tiếp cho trường đại học khác.

5. Trường thực hiện quy chế đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 57. Văn bằng, chứng chỉ

1. Hệ thống văn bằng giáo dục đại học do Trường cấp, bao gồm:

a) Bằng cử nhân cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Bằng thạc sĩ cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

c) Bằng tiến sĩ cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

d) Văn bằng trình độ tương đương là văn bằng quy định tại Khoản 2, Điều này.

2. Bằng kỹ sư đối với một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù được cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo quy định như sau:

a) Chương trình có khối lượng học tập từ 150 tín chỉ trở lên đối với người đã tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương hoặc có khối lượng học tập từ 30 tín chỉ trở lên đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học;

b) Chương trình có khối lượng học tập từ 90 tín chỉ trở lên đối với người có trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Chứng chỉ đối với một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được cấp cho người học đã hoàn thành chương trình đào tạo hoặc bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ quy định hoặc cấp cho người học dự thi đạt yêu cầu cấp chứng chỉ, phù hợp với quy định về cấp chứng chỉ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

4. Người học hoàn thành chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo theo quy định, hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của người học thì được Hiệu trưởng cấp văn bằng ở trình độ đào tạo tương ứng.

5. Trường thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người học và quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật; công bố công khai mẫu văn bằng, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của Trường.

6. Trường thực hiện quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công nhận văn bằng với các quốc gia, tổ chức quốc tế và chủ thể khác.

7. Trường thực hiện quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về chi tiết nội dung chính ghi trên văn bằng, phụ lục văn bằng; nguyên tắc việc in phôi, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng giáo dục đại học; trách nhiệm và thẩm quyền cấp văn bằng của Trường Việt Nam khi liên kết đào tạo với Trường nước ngoài; trách nhiệm của Trường có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện việc cấp văn bằng giáo dục đại học tại Việt Nam; điều kiện, trình tự, thủ tục công nhận văn bằng giáo dục đại học do Trường nước ngoài cấp.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 58. Mục tiêu hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nâng cao chất lượng giáo dục đại học, năng lực nghiên cứu và khả năng ứng dụng khoa học và công nghệ của giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý, viên chức.

2. Hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho người học; phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao.

3. Tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp mới để phát triển khoa học và giáo dục, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Điều 59. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, khoa học công nghệ để tạo ra tri thức và sản phẩm mới.

2. Ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

3. Xây dựng các phòng thí nghiệm, các cơ sở nghiên cứu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, các vườn ươm công nghệ, gắn phát triển công nghệ với tạo sản phẩm mới.

4. Tham gia tuyển chọn, tư vấn, phản biện, thực hiện các nhiệm vụ, hợp đồng khoa học và công nghệ, các nhiệm vụ theo đơn đặt hàng.

Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường trong hoạt động khoa học và công nghệ

1. Xây dựng, thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ.

2. Nghiên cứu khoa học và công nghệ để phục vụ và nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp mới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với năng lực khoa học và công nghệ của Nhà trường.

4. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ; thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Sử dụng tiền, tài sản, giá trị tài sản trí tuệ, các nguồn thu hợp pháp để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh.

6. Thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

7. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ.

8. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; giữ bí mật khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

9. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Chương VII

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 61. Mục tiêu hoạt động hợp tác quốc tế

1. Nâng cao chất lượng giáo dục của Trường theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

2. Tạo điều kiện để Trường phát triển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Điều 62. Các hình thức hợp tác quốc tế của Trường

1. Liên kết đào tạo.
2. Thành lập văn phòng đại diện của Trường nước ngoài tại Trường.
3. Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học.
4. Tư vấn, tài trợ, đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị.
5. Bồi dưỡng, trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý và người học.
6. Liên kết thư viện, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.
7. Tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế.

8. Mở văn phòng đại diện của Trường ở nước ngoài.

9. Các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Liên kết đào tạo với nước ngoài là việc hợp tác đào tạo giữa Trường với Trường nước ngoài nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng hoặc cấp chứng chỉ, nhưng không hình thành pháp nhân mới. Việc liên kết đào tạo với nước ngoài phải bảo đảm thực hiện quy định của Luật giáo dục và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài là chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng. Việc tổ chức đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Trường hoặc một phần tại Trường và một phần tại nước ngoài.

3. Trường nước ngoài liên kết đào tạo với Trường phải là cơ sở đào tạo có

uy tín, chất lượng, có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp văn bằng trong lĩnh vực liên kết hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp cấp. Các bên liên kết phải bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng của chương trình đào tạo.

4. Khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 45 và khoản 2 Điều 32 của Luật Giáo dục Đại học sửa đổi số 34/2018/QH14 thì Trường được tự chủ liên kết đào tạo trình độ đại học; khi đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học thì được tự chủ liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ ngành phù hợp; khi đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ thì được tự chủ liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ ngành phù hợp.

5. Trường hợp chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài bị đình chỉ tuyển sinh hoặc bị chấm dứt hoạt động do không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này, Trường phải bảo đảm lợi ích hợp pháp của giảng viên, người lao động và người học; bồi hoàn kinh phí cho người học; thanh toán các khoản thù lao giảng dạy, các quyền lợi khác của giảng viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể; thanh toán các khoản nợ thuế và khoản nợ khác (nếu có).

6. Trường phải công bố công khai thông tin liên quan về chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, tính pháp lý của văn bằng nước ngoài được cấp tại nước cấp bằng và tại Việt Nam trên trang thông tin điện tử của Trường và phương tiện thông tin đại chúng; hỗ trợ người học trong quá trình công nhận văn bằng giáo dục đại học; thực hiện kiểm định chương trình liên kết thực hiện tại Việt Nam ngay sau khi có sinh viên tốt nghiệp và kiểm định theo chu kỳ quy định.

7. Trường không tự liên kết đào tạo khi chưa bảo đảm điều kiện theo quy định và cam kết không vi phạm điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục trong đề án liên kết đào tạo với nước ngoài.

Điều 64. Văn phòng đại diện

1. Trường có thể cho các trường nước ngoài thành lập văn phòng đại diện tại Trường.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện và thẩm quyền cấp giấy phép thành lập, việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện của các Trường nước ngoài được quy định tại Điều 46, Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13.

Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường trong hoạt động hợp tác quốc tế

1. Thực hiện các hình thức hợp tác quốc tế quy định tại Điều 58 của Quy chế này và Điều 44 của Luật Giáo dục Đại học.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Được bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt

Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 66. Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế

1. Tổ chức đơn vị chuyên trách về hợp tác quốc tế của Nhà trường.
2. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Trường phù hợp với quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật liên quan khác.
3. Tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế thiết thực, hiệu quả; thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường.
4. Phối hợp với các cơ quan hữu quan đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong các hoạt động hợp tác quốc tế.

Chương VIII

ĐẢM BẢO VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 67. Mục tiêu của kiểm định chất lượng giáo dục đại học

1. Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục đại học;
2. Xác nhận mức độ đáp ứng mục tiêu của Trường và các chương trình đào tạo của Trường trong từng giai đoạn;
3. Làm căn cứ để Trường giải trình với cơ quan có thẩm quyền, các bên liên quan và xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo của Trường;
4. Làm cơ sở cho người học lựa chọn đăng ký theo học chương trình đào tạo của Trường; cho nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

Điều 68. Trách nhiệm của Trường trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục đại học

1. Xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục trong Trường phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của Trường.
2. Xây dựng chính sách, kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.
3. Tự đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định Trường theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xây dựng và triển khai kế hoạch, biện pháp khắc phục các hạn chế, cải tiến nâng cao chất lượng theo các kiến nghị của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và của các tổ chức kiểm định chất lượng.

Nếu kết quả kiểm định chương trình không đạt yêu cầu phải cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, bảo đảm cho người học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Sau 02 năm, kể từ ngày có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu, nếu không thực hiện kiểm định lại chương trình hoặc kết quả kiểm định lại vẫn không đạt yêu cầu thì Trường phải dừng tuyển sinh đối với chương trình đào tạo đó và có biện pháp bảo đảm quyền lợi cho người học.

4. Duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, bao gồm đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên; chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập; phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở thực hành; nguồn lực tài chính, ký túc xá và cơ sở dịch vụ khác.

5. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng giáo dục đại học theo kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; công bố công khai điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường và phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 69. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường về kiểm định chất lượng giáo dục đại học

1. Chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục.

2. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

3. Được lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong số các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận để kiểm định chất lượng Trường và chương trình đào tạo.

4. Được khiếu nại, tố cáo với cơ quan có thẩm quyền về các quyết định, kết luận, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Chương IX

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN VÀ ĐẦU TƯ

Điều 70. Nguồn tài chính của Trường

1. Các khoản thu của Trường bao gồm:

a) Học phí và khoản thu từ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, khoản thu dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động đào tạo;

b) Khoản thu từ nhận đặt hàng đào tạo, nghiên cứu của Nhà nước, tổ chức và cá nhân; thực hiện nhiệm vụ của Nhà nước giao;

c) Khoản thu từ đầu tư của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn tài chính bổ sung từ kết quả hoạt động hằng năm của Trường;

d) Khoản thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ phục vụ cộng đồng, đầu tư tài chính (nếu có) và nguồn thu hợp pháp khác;

đ) Nguồn vốn vay.

2. Các nguồn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng, cho của cựu sinh viên, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

3. Ngân sách nhà nước cấp (nếu có).

Điều 71. Học phí và khoản thu dịch vụ khác

1. Học phí là khoản tiền mà người học phải nộp cho Trường để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí đào tạo.
2. Trường xác định mức thu học phí theo quy định hiện hành của Nhà nước. Việc xác định mức thu học phí phải căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật theo lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo.
3. Mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác được xác định trên nguyên tắc tính đủ chi phí hợp lý thực tế phát sinh.
4. Trường phải công bố công khai chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học cùng với thông báo tuyển sinh và trên trang thông tin điện tử của Trường; có trách nhiệm trích một phần nguồn thu học phí để hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

Điều 72. Quản lý tài chính của Trường

1. Trường thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, định giá tài sản và công khai tài chính theo quy định của pháp luật.
2. Trường có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước được cấp để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính công, tài sản công.
3. Hằng năm, Trường phải thực hiện kiểm toán và công khai tài chính, việc sử dụng các nguồn tài chính phải theo quy định của pháp luật.
4. Trường được tự chủ tài chính theo quy định của Chính phủ đối với các Trường công lập tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên; thực hiện quy định của Chính phủ về cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước đối với Trường; quy định về hợp tác, đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục đại học; việc rút vốn và chuyển nhượng vốn đầu tư vào Trường, bảo đảm sự ổn định và phát triển Trường.
5. Trường chịu sự thanh tra, kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có thẩm quyền về việc quản lý và sử dụng nguồn tài chính của Trường.

Điều 73. Quản lý và sử dụng tài sản của Trường

1. Tài sản của Trường bao gồm: Quyền sử dụng đất, nhà, công trình xây dựng; tài sản có được từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ, các trang thiết bị và những tài sản khác (gồm cả tài sản vô hình) được Nhà nước giao cho Trường quản lý, sử dụng hoặc do Trường tự đầu tư mua sắm, xây dựng hoặc được biếu, tặng, tài trợ của các tổ chức, cá nhân cho Trường theo quy định của pháp luật.
2. Tài sản của Trường được quản lý, sử dụng theo nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công. Trường được sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển

giáo dục đại học, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, phù hợp với môi trường giáo dục.

3. Hiệu trưởng xây dựng phương án sử dụng, khai thác và quản lý cơ sở vật chất, tài sản của Trường theo quy định của pháp luật; trình Hội đồng trường xem xét quyết nghị về các chủ trương sử dụng tài sản của Trường để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; ký kết các hợp đồng cho thuê, liên doanh, liên kết sau khi có ý kiến thẩm định của Hội đồng trường.

4. Hội đồng trường có trách nhiệm xem xét quyết nghị về chủ trương sử dụng tài sản của Trường để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; thẩm định dự thảo các hợp đồng cho thuê, liên doanh, liên kết; giám sát việc thực hiện các hợp đồng cho thuê, liên doanh, liên kết để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, bảo toàn và phát triển tài sản, phù hợp với môi trường giáo dục.

5. Trường chịu sự thanh tra, kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan có thẩm quyền về việc quản lý và sử dụng tài sản của Trường theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Kế hoạch tài chính, đầu tư trung hạn và hằng năm

1. Căn cứ sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển Trường, cụ thể là chiến lược phát triển đào tạo và khoa học công nghệ, Hiệu trưởng lập kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính trung hạn (5 năm) báo cáo Hội đồng trường xem xét thông qua trước khi trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt. Kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính trung hạn phải đảm bảo tính khả thi, bền vững. Kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính trung hạn là cơ sở để thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị thí nghiệm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường.

Kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư trung hạn phải được lập cho mỗi giai đoạn 5 năm theo quy định.

2. Hằng năm, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo, báo cáo Hội đồng trường xem xét thông qua trước khi trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt. Kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính hằng năm là sự cụ thể hóa của kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính trung hạn.

3. Dự thảo kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính trung hạn cho 5 năm tiếp theo phải được trình Hội đồng trường ít nhất 2 tháng trước phiên họp tháng 9 của năm cuối cùng của giai đoạn 5 năm hiện tại; dự thảo kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư hằng năm phải được trình Hội đồng trường ít nhất 1 tháng trước phiên họp tháng 9 hằng năm của Hội đồng để thẩm định, góp ý hoàn thiện trước khi quyết nghị.

Chương X

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 75. Chế độ quản lý điều hành

1. Đảng bộ Trường lãnh đạo toàn diện các hoạt động của Trường bằng các nghị quyết của Đảng ủy, theo quy định của Điều lệ đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Hội đồng Trường hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, phù hợp với pháp luật và các quy định hiện hành, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Hoạt động của Hội đồng trường được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng trường.

3. Hiệu trưởng làm việc theo chế độ thủ trưởng.

4. Trường các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường giúp Hiệu trưởng việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 76. Thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường

1. Nguyên tắc thực hiện dân chủ trong Trường

a) Mở rộng dân chủ phải đảm bảo có sự lãnh đạo của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện trách nhiệm của Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường và Hiệu trưởng, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức, các đoàn thể, và từng cá nhân trong xây dựng và phát triển Trường.

b) Thực hiện dân chủ trong Trường phù hợp với Hiến pháp và pháp luật; quyền phải đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm; dân chủ phải gắn liền với kỷ luật, kỷ cương trong Trường; thưởng, phạt nghiêm minh, đúng pháp luật và phù hợp với Quy chế này.

c) Xử lý nghiêm minh những hành vi lợi dụng dân chủ, xâm phạm quyền tự do dân chủ, làm ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và hoạt động của Trường.

d) Kiên quyết lên án và xử lý nghiêm các hành vi gây bè phái, mất đoàn kết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi làm việc, các hành vi tố cáo nặc danh, mạo danh và không đúng sự thật.

đ) Thực hiện dân chủ trong Trường thông qua việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc hệ thống văn bản quy định nội bộ của Trường.

2. Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường

a) Hiệu trưởng xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường trình Hội đồng trường xem xét quyết nghị ban hành.

b) Các đơn vị, viên chức và người lao động và người học trong Trường, các tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường.

Điều 77. Quan hệ giữa Trường với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Trường là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Quan hệ giữa Trường với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật và của Bộ.

2. Hội đồng trường, Hiệu trưởng chịu trách nhiệm báo cáo hoặc đề xuất các ý kiến của Trường với Bộ trưởng hoặc người được Bộ trưởng phân công phụ trách về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường theo các quy định của pháp luật và của Bộ.

3. Trường chủ động phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Bộ.

Điều 78. Quan hệ giữa Trường với Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Trường là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Hội đồng trường, Hiệu trưởng chịu trách nhiệm báo cáo hoặc đề xuất các ý kiến của Trường với Bộ trưởng hoặc người được Bộ trưởng ủy quyền, phân công nhiệm vụ về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao liên quan đến hoạt động giáo dục, đào tạo.

3. Trường phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện các nhiệm vụ do Bộ trưởng giao theo cơ chế phân công, phân cấp và phối hợp công tác giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Trường thực hiện chế độ công khai thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra về hoạt động giáo dục đại học theo quy định của pháp luật.

Điều 79. Quan hệ giữa Trường với chính quyền địa phương

1. Trường chịu sự quản lý nhà nước theo địa phương của UBND thành phố Hà Nội; chủ động phối hợp với các đơn vị thuộc UBND thành phố Hà Nội trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Trường phối hợp với chính quyền địa phương nơi Trường đặt trụ sở chính, Phân hiệu và các đơn vị xa Trường để bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm an ninh, trật tự, cảnh quan môi trường học tập và an toàn cho người học; quản lý sinh viên ngoại trú, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội xâm nhập vào học đường; thực hiện các công tác xã hội; công tác quân sự, quốc phòng địa phương góp phần củng cố mối quan hệ hợp tác và trách nhiệm giữa Trường với địa phương.

Điều 80. Quan hệ giữa Trường với các bên liên quan trong xã hội

1. Trường phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp Trung ương và địa phương, các doanh nghiệp, các tổ chức liên quan ở trong và ngoài nước để: Xác định nhu cầu đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và tuyển dụng người học đã tốt nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho người học tham quan, thực hành, thực tập và

rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp; ký các hợp đồng đào tạo, các hợp đồng khoa học và công nghệ; triển khai ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội.

2. Trường phối hợp với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các cơ quan thông tin đại chúng trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, tạo môi trường giáo dục lành mạnh; phát hiện và bồi dưỡng những người học có năng khiếu về hoạt động nghệ thuật, thể dục thể thao.

3. Trường tạo điều kiện để các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong Trường quan hệ với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhằm phối hợp để thực hiện tốt các nội dung:

a) Tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống;

b) Xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực; bảo đảm trật tự, an ninh và an toàn của người học; ngăn chặn việc sử dụng ma túy và các tệ nạn xã hội khác xâm nhập vào Nhà trường;

c) Hỗ trợ theo khả năng về tài lực, vật lực cho sự nghiệp phát triển giáo dục, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện học tập, công tác của viên chức và người học trong Nhà trường.

Điều 81. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Trường thực hiện công khai chiến lược phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Trường; hướng dẫn đơn vị trực thuộc thống nhất thực hiện nội dung công khai theo quy định của pháp luật.

2. Trường thực hiện công tác thống kê, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và địa phương nơi Trường trú đóng theo quy định.

3. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường có trách nhiệm xây dựng, quản lý và sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu tích hợp về tổ chức, nhân sự, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, tài chính, cơ sở vật chất, bảo đảm chất lượng và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Trường.

Chương XI

THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 82. Thanh tra, kiểm tra

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thanh tra, kiểm tra Trường theo phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước được giao.

2. Trường tự tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường tự tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật và của Trường.

3. Hiệu trưởng quyết định kế hoạch kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá sự phù hợp của một chương trình công tác và khả năng thực hiện trong thực tế; chỉ ra những yếu kém bất cập trong quản lý, tổ chức triển khai và nguyên nhân; phát hiện kịp thời các vi phạm pháp luật, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến những vi phạm pháp luật để có những biện pháp xử lý kịp thời và có các biện pháp phòng ngừa.

4. Hiệu trưởng có trách nhiệm đảm bảo công tác kiểm tra, thanh tra được tiến hành theo hình thức, trình tự, thủ tục, thẩm quyền được quy định trong Luật Thanh tra và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 83. Khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân viên chức, người lao động và người học của Trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có thành tích xuất sắc, thành tích đột xuất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, công tác và học tập được Hiệu trưởng xem xét, khen thưởng ở cấp Trường hoặc đề nghị Nhà nước, các bộ, ngành khen thưởng theo các quy định của Nhà nước và của Nhà trường.

2. Tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị, doanh nghiệp hợp tác với trường có nhiều đóng góp cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ sản xuất cho Trường sẽ được Hiệu trưởng xem xét, khen thưởng ở cấp Trường hoặc đề nghị Nhà nước, các bộ, ngành khen thưởng theo các quy định của Nhà nước và của Nhà trường.

3. Hiệu trưởng ban hành văn bản quy định cụ thể tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, khen thưởng và quy trình xét thi đua trong Trường; chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện ở các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường.

4. Ban Giám hiệu phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn trường, Ban chấp hành Đoàn thanh niên trường phát động và tổ chức thực hiện các phong trào thi đua trong Trường.

Điều 84. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân viên chức, người lao động và người học của Trường Đại học Thủy lợi vi phạm các quy định của pháp luật và Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

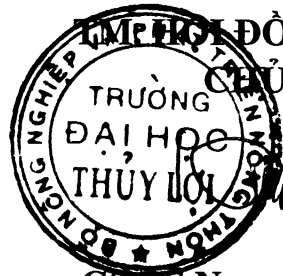
Điều 85. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Mọi quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Điều 86. Tổ chức thực hiện

Các đơn vị, tổ chức, cán bộ, viên chức và người học của Trường Đại học Thủy lợi chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh Hiệu trưởng báo cáo Hội đồng trường xem xét bổ sung hoặc sửa đổi để Quy chế này được hoàn chỉnh và phù hợp với thực tế của Nhà trường./.


 GS.TS Nguyễn Quang Kim

